

TÀI LIỆU VỀ
CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH TRONG CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ
LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI, THUẾ, HẢI QUAN VÀ
LAO ĐỘNG - VIỆC LÀM CỦA CAMPUCHIA

Phnôm Pênh, ngày 01 tháng 07 năm 2019

Lời mở đầu

Nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam có thêm tài liệu nghiên cứu, tham khảo trong quá trình tham dự “Diễn đàn thúc đẩy Thương mại – Đầu tư Việt Nam – Campuchia năm 2019”, Thương vụ Việt Nam tại Campuchia biên dịch và tập hợp một số nội dung quy định trong các văn bản pháp lý của Campuchia liên quan đến hoạt động đầu tư, thương mại, thuế, hải quan và lao động - việc làm của Campuchia.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác biên dịch, nhưng do có nhiều từ thuộc về ngôn ngữ luật pháp. Vì vậy nội dung biên dịch khó tránh khỏi một số sai sót trong biên dịch. Rất mong các doanh nghiệp đóng góp ý kiến kịp thời để Thương vụ đính chính, hoàn thiện hơn. Thương vụ hy vọng rằng, các nội dung này sẽ là tài liệu tham khảo thêm cho doanh nghiệp Việt Nam khi muốn tìm hiểu về các nội dung quy định của Campuchia trong các lĩnh vực nêu trên.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Phnôm Pênh, ngày 01 tháng 07 năm 2019

Thương vụ Việt Nam tại Campuchia

MỤC LỤC

Tiêu đề nội dung	Trang số
I- NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ	03
II. NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN THƯƠNG MẠI	11
III. CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN THUẾ	19
IV. CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN NGOẠI THƯƠNG VÀ HẢI QUAN	33
V. CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM	38
VI. KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM – CAMPUCHIA	50

CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH TRONG CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI, THUẾ, HẢI QUAN VÀ LAO ĐỘNG - VIỆC LÀM TẠI CAMPUCHIA

I- NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ

1. Thủ tục và điều kiện đầu tư:

Đầu tư vào Campuchia, trong hầu hết các trường hợp, là một quá trình đơn giản, trực tiếp và mở. Đối với các dự án đầu tư đủ điều kiện ưu đãi đầu tư – gồm miễn thuế lợi nhuận hoặc khấu hao đặc biệt hoặc miễn thuế nhập khẩu – thì phải đăng ký với Hội đồng phát triển Campuchia (CDC), Hội đồng Khu kinh tế đặc biệt (CSEZB) và các cơ quan chính quyền quản lý đầu tư tỉnh, thành phố (PMIS).

Hoạt động đầu tư vào Campuchia thường gồm 6 giai đoạn sau:

1.1. Đánh giá tiềm năng kinh doanh và quy mô đầu tư:

Trong giai đoạn này, nhà đầu tư tiềm năng nên tiến hành nghiên cứu, điều tra về môi trường kinh doanh, gặp gỡ và đánh giá các đối tác tiềm năng, đánh giá các điều kiện kinh tế vĩ mô, vĩ mô, tính toán chi phí, môi trường pháp lý, việc làm, cơ sở hạ tầng cần thiết và phân tích các vấn đề khác có liên quan, cân nhắc để xác định xem một khoản đầu tư trực tiếp vào Campuchia có được như mong muốn hay không. Trong nhiều trường hợp, nhà đầu tư có thể đầu tư gián tiếp thông qua việc thành lập một đại lý hoặc bằng cách thiết lập mối quan hệ trao đổi, nhượng quyền với các doanh nghiệp đang có hoạt động tại Campuchia.

Các nhà đầu tư cũng nên cân nhắc những lợi thế và bất lợi tương đối của hoạt động đầu tư vào Campuchia, bao gồm:

Ưu điểm:

- + Thị trường Campuchia rất cởi mở với đầu tư nước ngoài, hình thức 100% sở hữu vốn nước ngoài được cho phép trong hầu hết các lĩnh vực;
- + Chính phủ xây dựng chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp;
- + Người dân thân thiện với người nước ngoài;
- + Tầng lớp trung lưu địa phương và cộng đồng người lao động nước ngoài (ex pat) đang phát triển;
- + Đồng đô la được sử dụng và được chấp nhận rộng rãi;
- + Ưu đãi đầu tư và chế độ thuế thuận lợi;
- + Tài nguyên thiên nhiên phong phú (đất, nước, khoáng sản, dầu khí);

- + Các địa điểm du lịch nổi tiếng thế giới như Angkor Wat, bãi biển và các quần đảo;
- + Lực lượng lao động trẻ, chi phí thấp và năng động;
- + Dễ dàng tạo kết nối với các nền kinh tế của Thái Lan, Việt Nam và Trung Quốc;

Nhược điểm:

- + Hệ thống pháp lý vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và thiếu một số văn bản dưới luật;
- + Việc áp dụng, thực thi pháp luật chưa rõ ràng, gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh;
- + Chi phí đầu vào kinh doanh cao;
- + Thiếu hụt tài chính đầu tư;
- + Sức mua nội địa tương đối thấp;
- + Lực lượng lao động có trình độ chưa cao;

1.2 Đăng ký ưu đãi đầu tư

Sau khi nghiên cứu cụ thể, nhà đầu tư nên xác định xem dự án của mình có đủ điều kiện nhận ưu đãi đầu tư hay không và giấy phép đầu tư như vậy có lợi cho doanh nghiệp hay không. Hầu hết các nhà đầu tư muốn được hưởng những lợi ích của ưu đãi thuế và đảm bảo đầu tư cho Dự án đầu tư đủ điều kiện (QIP). Chế độ cấp phép đầu tư được điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Đầu tư - ban hành vào tháng 8 năm 1994 và được sửa đổi đáng kể vào năm 2003 bởi Luật Sửa đổi Luật Đầu tư để làm cho các thủ tục cấp phép đơn giản hơn, minh bạch hơn, có thể dự đoán, tự động và không tùy ý.

Một số nghị định đã được ban hành sau đó tiếp tục hoàn thiện Luật Đầu tư, trong đó quy định CDC và CSEZB hoặc PMIS có trách nhiệm cấp chứng chỉ QIP cho các dự án đủ điều kiện. Quy định không bao gồm các dự án đầu tư nằm trong Danh sách hạn chế đầu tư, được xác định bởi nghị định hoặc dự án đầu tư có mức vốn dưới ngưỡng được đặt trong Danh sách hạn chế đầu tư. Chương 5 Luật đầu tư (Các ưu đãi và thủ tục đầu tư: Tổng quan) quy định các ưu đãi và đảm bảo có sẵn, quy trình đăng ký, các yêu cầu đủ điều kiện cho QIP.

1.3 Đăng ký thương mại

Một thực thể chỉ được coi là hợp pháp sau khi đăng ký và được Bộ Thương mại Campuchia (MOC) cấp phép. Việc xin giấy phép của MOC có thể được thực hiện trước hoặc sau khi đăng ký với CDC/CSEZB hoặc PMIS. Các hình thức của các thực thể kinh doanh được phép và quy trình đăng ký thương mại với MOC được đề cập chi tiết trong Chương 6 của Luật Doanh nghiệp và Đăng ký thương mại. Vào tháng 1 năm 2016, MOC đã thực hiện thủ tục đăng ký trực tuyến để làm các thủ tục thành lập doanh nghiệp, Chi nhánh nhằm giảm thời gian cần thiết cho doanh nghiệp tại Campuchia.

1.4 Đăng ký thuế

Sau khi đăng ký thương mại được hoàn thành với MOC, đơn vị kinh doanh phải đăng ký với Tổng cục Thuế Campuchia (GDT). Quy trình Đăng ký Thuế thường được hoàn thành trong vòng bốn đến sáu tuần kể từ khi nộp hồ sơ hoàn chỉnh cho cơ quan chức năng.

1.5 Giấy phép đặc thù “downstream”

Một số doanh nghiệp - ví dụ như ngân hàng, xây dựng và bất động sản, cho thuê tài chính, bảo hiểm, y tế, khai thác, dầu khí, viễn thông và hoạt động đầu tư (trong số những trường hợp) – cần phải đăng ký giấy phép đặc biệt từ các cơ quan chính phủ hoặc cơ quan khác trước khi đăng ký với MOC. Các giấy phép downstream thông thường này bao gồm đăng ký lao động và đăng ký với Quỹ An sinh xã hội quốc gia (NSSF), giấy phép của chính quyền địa phương (tùy từng trường hợp).

1.6 Giấy phép chuyên ngành hoặc Giấy phép “Upstream”

Ngoài các giấy phép nêu trên, thì còn có các giấy phép hoạt động chung và theo ngành cụ thể tùy thuộc vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ví dụ giấy phép Upstream có thể là: Giấy phép thành lập nhà máy của Bộ Công nghiệp và Thủ công mỹ nghệ (MIH); giấy phép khai thác từ Bộ Mỏ và Năng lượng (MME); giấy phép về đất tô nhượng từ Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp & Ngư nghiệp (MAFF); bản đánh giá tác động môi trường từ Bộ Môi trường (MOE); giấy phép xây dựng của Bộ Quản lý đất đai, Quy hoạch và Xây dựng đô thị (MLMUPC) và giấy phép của Bộ Du lịch cho đầu tư ngành du lịch.

Các doanh nghiệp cần chú ý: Trên thực tế, trình tự cấp phép thay đổi rất nhiều tùy thuộc vào dự án đầu tư. Trong nhiều trường hợp, một số giấy phép hoạt động được lấy trước hoặc trong giai đoạn cấp phép đầu tư. Trong một số trường hợp, chúng có được sau khi cấp phép đầu tư và thành lập công ty.

2. Ưu đãi và thủ tục đầu tư:

Hội đồng Phát triển Campuchia (CDC)/Hội đồng Đầu tư Campuchia (CIB) là cơ quan chính của chính phủ chịu trách nhiệm về tất cả các vấn đề về xây dựng kế hoạch chiến lược, giải quyết các thủ tục pháp lý đối với các dự án đầu tư đủ điều kiện (QIPs) và phát triển các Khu kinh tế đặc biệt (SEZs) ở Campuchia.

Đáng chú ý, các nhà đầu tư được cấp giấy chứng nhận đăng ký cuối cùng (FRCs) sẽ được hưởng nhiều ưu đãi khác nhau. Để được hưởng những ưu đãi này, các QIP phải trải qua quá trình đăng ký đầu tư với CDC hoặc Tiểu ban đầu tư tỉnh / thành phố (PMIS) tùy thuộc vào loại dự án đầu tư. CDC/CIB xem xét các đơn xin đầu tư của các nhà đầu tư và các dự án đầu tư xem có đáp ứng các yêu cầu được quy định trong Luật Đầu tư. Đơn đăng ký đầu tư có thể được thực hiện trước hoặc sau khi đăng ký với MOC.

Ngoài ra, Chính phủ Campuchia cũng đã cải thiện dịch vụ đầu tư, ví dụ vào năm 2005, Chính phủ đã thành lập Ủy ban khu kinh tế đặc biệt Campuchia (CSEZB) dưới sự bảo trợ của CDC để thúc đẩy kế hoạch phát triển các khu SEZ. CSEZB đã thành lập Cơ quan quản lý khu kinh tế đặc biệt tại các SEZ nhằm cung cấp dịch vụ

một cửa cho các nhà đầu tư từ việc đăng ký dự án đầu tư để có được phê duyệt xuất nhập khẩu thông thường (chi tiết trong phần về SEZs, Chương 10 Luật đầu tư).

2.1. Ưu đãi đầu tư

Thông thường, các công ty đã được coi là QIP (Bắt đầu từ đây, được gọi tắt là các QIP) có thể chọn giữa miễn thuế thu nhập (tax holiday) hoặc khấu hao đặc biệt. Ngoài ra, QIP cũng được miễn thuế hải quan đối với việc nhập khẩu thiết bị sản xuất, vật liệu xây dựng và đầu vào sản xuất. Thuế nhập khẩu đối với đầu vào sản xuất được sử dụng trong sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

2.2 Miễn thuế thu nhập

Các QIP chọn tax-holiday sẽ được miễn thuế thu nhập trong giai đoạn triển khai dự án, trong thời gian ba năm sau thời gian triển khai và thời gian ưu tiên. Chính phủ không yêu cầu QIPs phải nộp thuế thu nhập trước hàng tháng với Tổng cục Thuế (GDT) trong thời gian miễn thuế và không phải chịu thuế tối thiểu hàng năm.

Thời kỳ triển khai là một khoảng thời gian bắt đầu từ ngày QIP được đăng ký và kết thúc vào ngày cuối cùng của năm tính thuế ngay trước: i) năm tính thuế mà thu nhập chịu thuế được thực hiện lần đầu tiên; hoặc ii) năm thứ ba sau năm tính thuế trong đó doanh thu được thực hiện lần đầu tiên.

Thời hạn ba năm bắt đầu từ năm tính thuế ngay sau thời kỳ triển khai. Thời hạn ưu tiên chung bắt đầu từ năm thuế ngay sau năm thứ ba của giai đoạn ba năm. Thời hạn của giai đoạn ưu tiên sẽ được xác định theo quy định của Luật Quản lý tài chính.

2.3. Khấu hao đặc biệt

Các QIP không được miễn thuế thu nhập được hưởng khoản khấu hao đặc biệt 40% giá trị tài sản hữu hình mới hoặc đã sử dụng trong sản xuất hoặc chế biến. Phụ cấp khấu hao đặc biệt được khấu trừ trong năm đầu tiên mua tài sản hữu hình hoặc năm đầu tiên sử dụng tài sản đó.

2.4 Miễn thuế hải quan

QIPs định hướng xuất khẩu và công nghiệp hỗ trợ được miễn thuế hải quan đối với nhập khẩu thiết bị sản xuất, vật liệu xây dựng và đầu vào sản xuất. Các QIP định hướng sản xuất hàng hóa trong nước thường chỉ được miễn thuế hải quan khi chỉ nhập khẩu thiết bị sản xuất và vật liệu xây dựng. Miễn thuế nhập khẩu đối với đầu vào sản xuất chỉ được cấp cho các QIP định hướng trong nước, khi họ cung cấp sản phẩm cho các ngành công nghiệp định hướng xuất khẩu, hoặc khi họ xuất khẩu hàng hóa. Chỉ các đầu vào được sử dụng để sản xuất những hàng hóa đó được miễn thuế nhập khẩu. Ngoài ra, miễn thuế xuất khẩu được cấp cho tất cả các QIP ngoại trừ một số mặt hàng xuất khẩu nhất định được liệt kê cụ thể trong luật Campuchia là đối tượng chịu thuế xuất khẩu.

2.5. Giới hạn

Các miễn trừ được mô tả ở trên chỉ áp dụng cho thuế thu nhập và thuế hải quan. Miễn trừ thuế không được áp dụng đối với việc khấu trừ thuế, thuế lợi nhuận

bổ sung đối với phân phối cổ tức, thuế lương, thuế giá trị gia tăng thuế VAT, thuế cụ thể đối với hàng hóa và dịch vụ hoặc bất kỳ loại thuế nào khác được áp dụng theo luật .

Tuy nhiên, các công ty có QIP có thể đủ điều kiện sẽ được hoàn lại VAT liên quan đến các dự án đầu tư của họ trong quá trình thành lập doanh nghiệp trong thời gian tối đa hai năm, với điều kiện các doanh nghiệp liên quan đến QIP không có đầu ra chịu thuế. Để đủ điều kiện được hoàn thuế VAT như vậy, nhà đầu tư phải đăng ký với cơ quan thuế.

2.6 QIPs và nhà thầu phụ của ngành công nghiệp hỗ trợ

Các QIP và nhà thầu phụ của ngành hỗ trợ có thể tận dụng các ưu đãi VAT nếu họ tham gia vào:

- + Sản xuất bao bì;
- + Sản xuất chỉ, vải, nút, khóa kéo, móc treo áo, khóa kéo quần áo và các bộ phận được gắn vào quần áo, giày dép, túi xách hoặc mũ; và
- + Giặt, nhuộm, in trên vải hoặc quần áo, may hoặc đan.

Các QIP trong ngành công nghiệp phụ trợ cung cấp trực tiếp các hàng hóa và dịch vụ nêu trên cho các công ty định hướng xuất khẩu trong ngành may mặc, ngành dệt may, công nghiệp sản xuất giày hoặc túi xách, túi xách tay và ngành sản xuất mũ được nhập khẩu miễn thuế VAT. Mua hàng hóa và dịch vụ trong nước phải chịu thuế VAT 10%. Tuy nhiên, các QIP này phải đảm bảo rằng tất cả hàng hóa và dịch vụ cung cấp phải được xuất khẩu.

Các nhà thầu phụ trực tiếp cung cấp hơn 80% các hàng hóa và dịch vụ này cho các ngành công nghiệp định hướng xuất khẩu trong các ngành may mặc, dệt may, giày dép hoặc nhà máy sản xuất chịu thuế VAT 0% đối với nguồn cung của họ. Tuy nhiên, thuế VAT 10% vẫn được áp dụng cho nhập khẩu hàng hóa và mua hàng trong nước. Các QIP và nhà thầu phụ của ngành hỗ trợ phải nộp đơn bằng văn bản cho GDT để được phê duyệt.

2.7 Đảm bảo đầu tư

Ngoài các ưu đãi trên, cả QIPs nước ngoài và Campuchia đều được hưởng các đảm bảo đầu tư sau:

- + Đối xử bình đẳng với tất cả các nhà đầu tư bất kể quốc tịch (trừ quyền sở hữu đất đai và một số hoạt động đầu tư);
- + Không quốc hữu hóa gây bất lợi cho các nhà đầu tư bất động sản;
- + Không kiểm soát giá đối với dịch vụ và sản phẩm của nhà đầu tư; và
- + Chuyển tiền ngoại tệ ra nước ngoài.

2.8 Khu kinh tế đặc biệt (SEZ)

Đối với các nhà đầu tư đầu tư vào SEZ, các ưu đãi và bảo lãnh thuế tương tự tồn tại. Đáng chú ý trong số đó là miễn thuế tạm thời cho thuế thu nhập và miễn thuế vĩnh viễn cho thuế tối thiểu và thuế hải quan. Ngoài ra, nhà đầu tư vào SEZ

được miễn thuế VAT đối với hàng nhập khẩu, nhưng chỉ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu.

2.9 Dự án đầu tư Đủ điều kiện cấp ưu đãi đầu tư

Chỉ một số dự án đầu tư nhất định là đủ điều kiện cho ưu đãi thuế. Phụ lục 1 của Nghị định phụ có liên quan có một danh sách các hoạt động đầu tư và dự án không đủ điều kiện nhận ưu đãi. Các lĩnh vực đầu tư không có trong hoặc đầu tư với số vốn vượt quá ngưỡng do Danh sách không khuyến khích quy định, có thể đủ điều kiện nhận ưu đãi.

2.10 Ngành đầu tư bị hạn chế

Một số lĩnh vực bị hạn chế hoặc bị cấm vì lý do an ninh quốc gia, an toàn xã hội hoặc sự sống còn của nền kinh tế quốc gia, chẳng hạn như:

- + Sản xuất hoặc chế biến các chất hướng thần và ma túy;
- + Sản xuất hóa chất độc hại;
- + Việc sản xuất và xử lý năng lượng điện sử dụng bất kỳ chất thải nào được nhập khẩu từ nước ngoài; và
- + Lâm nghiệp.

Một số lĩnh vực khác như sản xuất thuốc lá, sản xuất rượu, sản xuất phim, đá quý, xuất bản, in ấn, phát thanh và truyền hình, sở hữu đất đai, môi giới cầm đồ và nhập khẩu được phẩm cần có sự tham gia hoặc đầu tư của một công dân Campuchia hoặc cần có sự chấp thuận đặc biệt từ các cơ quan chính phủ .

2.11 Hạn chế và yêu cầu

Nhà đầu tư cần chú ý những điều sau:

2.11.1 Sử dụng đất

Quyền sở hữu đất chỉ được phép đối với các cá nhân và tổ chức có quốc tịch Campuchia. Tuy nhiên, việc sang nhượng đất và cho thuê dài hạn được phép cho tất cả các nhà đầu tư.

Trong thời gian nhượng quyền hoặc cho thuê, nhà đầu tư có thể, theo các điều khoản của từng thỏa thuận hoặc hợp đồng thuê cụ thể, thế chấp hoặc cho thuê lại bất kỳ tài sản di chuyển hoặc bất động sản nào trên đất. Việc chuyển nhượng hoặc thế chấp đất nhượng quyền, không được sử dụng cho các mục đích mà nhượng quyền được cấp, đều bị cấm.

2.11.2 Sử dụng nhân viên nước ngoài

Các nhà đầu tư chỉ được phép sử dụng người nước ngoài có trình độ, kỹ năng và chuyên môn không có sẵn trong lực lượng lao động Campuchia. Để sử dụng lao động nước ngoài, các nhà đầu tư phải được phê chuẩn về hạn ngạch nhân viên nước ngoài từ Bộ Lao động và Dạy nghề trước ngày 30 tháng 11 mỗi năm, để sử dụng những người đó vào năm sau. Các nhà đầu tư phải nộp đơn xin giấy phép lao động. Đối với các công ty có QIP đã được phê duyệt, CDC sẽ cung cấp hỗ trợ để lấy thị thực, giấy phép lưu trú và làm việc cho những người nước ngoài này. CDC cũng hỗ

trợ các nhà đầu tư lấy thị thực, quyền ở lại và giấy phép du lịch cho vợ hoặc chồng của họ.

2.12 Thủ tục đăng ký QIP

Bất cứ ai tìm kiếm các ưu đãi và / hoặc bảo lãnh đầu tư đều phải gửi đề xuất đầu tư cho CDC hoặc PMIS và trả phí nộp đơn một lần. Phí nộp đơn này bao gồm đăng ký thuế, phí quản lý để đảm bảo phê duyệt, ủy quyền, giấy phép và đăng ký từ tất cả các bộ và cơ quan chính phủ có liên quan. Một nhà đầu tư phải nộp đề xuất đầu tư riêng cho từng hoạt động được đề xuất.

CDC và PMIS chịu trách nhiệm đăng ký các đề xuất đầu tư và cung cấp dịch vụ một cửa cho các nhà đầu tư. CDC điều chỉnh các dự án đầu tư có vốn đầu tư vượt quá 2 triệu USD, các dự án đầu tư ở giáp hai tỉnh trở lên hoặc các thành phố và các dự án đầu tư đặt tại SEZs. Các dự án đầu tư khác phải đăng ký với PMIS có liên quan, do Chủ tịch tỉnh hoặc thành phố có liên quan xử lý. CDC hoặc PMIS sẽ cấp giấy chứng nhận đăng ký có điều kiện (CRC) cho người nộp đơn trong vòng ba ngày làm việc sau khi đề xuất đầu tư trừ khi:

- + Đề xuất đầu tư không đủ tất cả các thông tin cần thiết;
- + Đề xuất đầu tư thuộc Danh mục không khuyến khích; hoặc là
- + Khoản đầu tư được đề xuất chỉ là một phần gia tăng vốn đầu tư hoặc mở rộng đầu tư của QIP trước đó hoặc hiện tại.

Trong CRC có ghi rõ chỉ định các phê duyệt cần thiết, ủy quyền, giải phóng mặt bằng, giấy phép, giấy phép và đăng ký cần thiết để đủ điều kiện làm QIP.

CDC hoặc PMIS sẽ cấp giấy chứng nhận đăng ký cuối cùng (FRC) cho người nộp đơn trong vòng 28 ngày làm việc kể từ khi CRC ban hành cho dù có được chấp thuận, ủy quyền, giải phóng mặt bằng, giấy phép và đăng ký hay không. Một QIP bắt đầu có hiệu lực từ ngày phát hành của FRC. Người nộp đơn thường không phải trả bất kỳ khoản tiền gửi nào để đảm bảo khoản đầu tư của họ, trừ các trường hợp cụ thể (chẳng hạn như nhượng quyền).

2.13. Thu hồi hoặc hủy bỏ FRC

FRC sẽ bị thu hồi kể từ ngày CDC hoặc PMIS ban hành nếu nhà đầu tư:

- + Có được FRC hoặc giấy chứng nhận tuân thủ thông qua gian lận hoặc trình bày sai; hoặc là;
- + Không thể triển khai hoạt động đầu tư trong vòng sáu tháng kể từ khi nhận được tất cả các phê duyệt cần thiết, ngoại trừ trong trường hợp đồng nhượng quyền có thời hạn cụ thể.

CDC hoặc PMIS sẽ thông báo ngay cho nhà đầu tư bằng văn bản về việc thu hồi. Một nhà đầu tư có FRC bị CDC hoặc PMIS thu hồi có thể khiếu nại bằng văn bản cho các đồng chủ tịch của CDC trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo thu hồi. Một QIP có FRC bị thu hồi hoặc hủy bỏ không thể yêu cầu bất kỳ ưu đãi nào như được quy định trong FRC.

2.14 Dự án đầu tư được phê duyệt trước khi sửa đổi Luật đầu tư

Các dự án đầu tư được phê duyệt theo Luật Đầu tư ban hành ngày 5 tháng 8 năm 1994 sẽ được công nhận là QIPs sau khi nhà đầu tư nhận được giấy chứng nhận công nhận từ CDC. Giấy chứng nhận công nhận sẽ được cấp trong vòng ba ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của nhà đầu tư. Các nhà đầu tư được công nhận là QIP sẽ tiếp tục được hưởng các ưu đãi được CDC phê duyệt trước khi Luật sửa đổi Luật Đầu tư, ban hành vào ngày 24 tháng 3 năm 2003.

Tất cả các nhà đầu tư, bao gồm cả những người được phê duyệt theo Luật Đầu tư và những người được phê duyệt theo Luật Sửa đổi Luật Đầu tư, chỉ có thể yêu cầu quyền lợi của họ đối với các ưu đãi đầu tư sau khi họ đã nhận được giấy chứng nhận từ CDC

2.15 Giấy chứng nhận tuân thủ

Chỉ những QIP được cấp giấy chứng nhận tuân thủ hàng năm (COC) mới được hưởng ưu đãi đầu tư. Một COC sẽ được CDC cấp cho QIP trong vòng 90 ngày làm việc kể từ cuối mỗi năm tài chính. Nếu CDC không phát hành COC trong khoảng thời gian này, COC được coi là đã được ban hành.

CDC có thể thu hồi QIP nếu CDC coi QIP không phải nộp tất cả các tài liệu cần thiết. QIP sau đó sẽ mất tất cả các quyền lợi khuyến khích kể từ ngày thu hồi COC.

2.16. Nghĩa vụ báo cáo

QIP phải nộp cho cơ quan thuế tờ khai thuế hàng tháng và hàng năm, cùng với COC, cho năm tính thuế và phải trả tất cả các loại thuế áp dụng. QIP cũng phải nộp các bản sao có chứng thực của các tài liệu thông quan và chứng từ định giá (do một cơ quan do Chính phủ chỉ định) cấp cho CDC và cơ quan thuế, trong vòng 30 ngày làm việc nhập khẩu.

Ngoài ra, QIP phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm bởi các kiểm toán viên độc lập, được đăng ký trong danh sách kế toán viên công chứng và kiểm toán viên của Viện kế toán và kiểm toán viên công chứng Khmer.

QIP cũng phải nộp: báo cáo hàng quý về nhập khẩu nguyên vật liệu và thiết bị cho sản xuất; một báo cáo hàng quý về xuất khẩu hiệu quả của các sản phẩm đã hoàn thành của QIP; một danh sách hàng tồn kho hàng năm của bất động sản; và một bảng thông tin đầu tư theo định dạng bắt buộc, đáng chú ý là mẫu Thông tin đầu tư cho khảo sát.

2.17. Mua bán và sáp nhập

Trong trường hợp sáp nhập hoặc mua lại một công ty nắm giữ QIP, hoặc chuyển nhượng cổ phần trong một công ty nắm giữ QIP, dẫn đến việc người nhận chuyển nhượng nắm giữ 20% cổ phần trở lên, cần phải có sự chấp thuận bằng văn bản của CDC hoặc PMIS rằng thực thể mới, người mua hoặc chủ sở hữu QIP hiện tại tiếp tục được hưởng các ưu đãi và bảo lãnh đầu tư.

Yêu cầu bằng văn bản phải được gửi cho CDC hoặc PMIS trong vòng mười ngày làm việc trước khi sáp nhập, mua lại hoặc chuyển nhượng cổ phần. CDC hoặc

PMIS sẽ đưa ra quyết định bằng văn bản trong vòng mười ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu như vậy.

II. NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN THƯƠNG MẠI

Thủ tục thành lập Công ty tại Bộ Thương mại Campuchia

A/ Việc thành lập một Công ty chỉ cần thông qua việc hoàn thành các giấy tờ quy định của Bộ Thương mại (MOC), tiến trình đăng ký thành lập công ty cũng có thể thực hiện trực tuyến, tuy nhiên trong hầu hết các trường hợp đều sẽ yêu cầu bổ sung giấy tờ, trình tự như sau:

1- Soạn thảo Điều lệ công ty theo có chữ ký của tất cả các thành viên Công ty. (làm 04 bản tiếng Khmer và 04 bản tiếng Anh).

2- Hợp đồng thuê trụ sở Công ty tại Campuchia (bằng tiếng Khmer và tiếng Anh, có xác nhận của cơ quan chính quyền địa phương sở tại, và kèm theo hóa đơn điện - nước - bưu điện nếu có, làm 04 bản tiếng Khmer và 04 bản tiếng Anh).

3- Phô tô Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân của Giám đốc Công ty (04 ảnh 4 x 6) có xác nhận Công chứng (04 bản tiếng Khmer và 04 bản tiếng Anh).

4- Giấy xác nhận của Chính quyền địa phương về không phạm tội hình sự (04 bản tiếng Việt và 04 bản tiếng Anh).

5. Chuẩn bị kinh phí nộp lệ phí xin giấy phép thành lập Công ty với số tiền lệ phí theo quy định hiện hành.

6. Điền thông tin và ký xác nhận vào các mẫu đơn theo quy định của Bộ Thương mại Campuchia khi đến Bộ Thương mại nộp hồ sơ (nếu Bộ yêu cầu)

B/ Thủ tục thành lập Công ty con, Chi nhánh, VP Công ty tại Campuchia

1- Soạn thảo Điều lệ Công ty có chữ ký của tất cả các thành viên Công ty. (làm 04 bản tiếng Khmer và 04 bản tiếng Anh).

2- Hợp đồng thuê trụ sở Công ty tại Campuchia (bằng tiếng Khmer và tiếng Anh, có xác nhận của cơ quan chính quyền địa phương sở tại và kèm theo hóa đơn điện - nước - bưu điện nếu có, làm 04 bản tiếng Khmer và 04 bản tiếng Anh).

3- Phô tô Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân của Giám đốc Công ty (04 ảnh 4 x 6) có xác nhận Công chứng (04 bản tiếng Khmer và 04 bản tiếng Anh).

4- Giấy xác nhận của Chính quyền địa phương về không phạm tội hình sự (04 bản tiếng Việt và 04 bản tiếng Anh).

5- Chuẩn bị kinh phí nộp lệ phí xin giấy phép thành lập Công ty với số tiền lệ phí theo quy định hiện hành.

6- Điền thông tin và ký xác nhận vào các mẫu đơn theo quy định của Bộ Thương mại Campuchia khi đến nộp hồ sơ tại Bộ Thương mại (nếu Bộ yêu cầu).

7- Dịch và Công chứng Giấy thành lập Công ty mẹ; Điều lệ Công ty mẹ (04 bản tiếng Anh).

8- Giấy ủy quyền của Tổng giám đốc/ Giám đốc cho người được làm Giám đốc Công ty/ Trưởng chi nhánh Công ty tại Campuchia. (04 bản tiếng Anh).

Sau khoảng 07 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia sẽ cấp giấy phép đăng ký thành lập Công ty/Chi nhánh Công ty tại Campuchia.

C/ Làm thủ tục online

Doanh nghiệp cũng có thể làm thủ tục online thông qua vào mạng của Bộ Thương mại Campuchia : www.businessregistration.moc.gov.kh sau đó điền các thông tin theo hướng dẫn của Bộ Thương mại Campuchia.

1-Luật doanh nghiệp và đăng ký thương mại

Vấn đề ban đầu mà hầu hết các nhà đầu tư gặp phải là câu hỏi: liệu mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp sẽ đạt được tốt nhất bằng đầu tư vốn trực tiếp thông qua một doanh nghiệp đăng ký tại địa phương, hay bằng cách tham gia phân phối, nhượng quyền, quản lý, cấp vốn tài chính, cho thuê, hỗ trợ kỹ thuật hoặc các thỏa thuận hợp đồng khác với các pháp nhân Campuchia đã đăng ký hiện có.

Nội dung này đề cập đến các hình thức pháp lý được phép của thực thể kinh doanh và thủ tục đăng ký của họ tại Bộ Thương mại (Nhật ký MOC). Các doanh nghiệp kinh doanh tại Campuchia phải được đăng ký với hệ thống trực tuyến MOC ít nhất 15 ngày trước khi bắt đầu hoạt động kinh doanh. Một thực thể kinh doanh được coi là tồn tại vào một ngày khi giấy chứng nhận thành lập được cấp bởi MOC.

Việc thành lập một công ty được điều chỉnh bởi: Luật về quy tắc thương mại và đăng ký thương mại, ban hành ngày 19 tháng 6 năm 1995 (LCRCRR); Luật sửa đổi luật về quy tắc thương mại và đăng ký thương mại, được ban hành ngày 18 tháng 11 năm 1999 (LACRCR); và Luật Doanh nghiệp Thương mại có hiệu lực từ ngày 19 tháng 6 năm 2005 (LCE).

MOC đã ban hành Thông báo số 1217 PNRB, ngày 27 tháng 11 năm 2017, trong đó quy định kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2018, tất cả các khoản thanh toán cho các dịch vụ công của MOC phải tuân thủ Prakas chung về Cung cấp dịch vụ công của MOC.

LCRCR, LACRCR và LCE đã cung cấp một khung toàn diện để thiết lập và vận hành các loại hình thức tổ chức kinh doanh khác nhau.

Hiện tại, ở Campuchia có một số loại hình của các thực thể kinh doanh gồm:

- + Công ty trách nhiệm hữu hạn;
- + Chi nhánh văn phòng;
- + Văn phòng đại diện;
- + Quan hệ đối tác;
- + Sở hữu duy nhất

Có ba loại công ty trách nhiệm hữu hạn:

- + Công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân một thành viên;
- + Công ty TNHH tư nhân;
- + Công ty TNHH cổ phần đại chúng.

Một quan hệ đối tác có thể có hình thức của một quan hệ đối tác chung hoặc đối tác giới hạn.

1.1 Đăng ký thương mại theo LCRCR và LACRCR

LCRCR và LACRCR cung cấp các thủ tục để đăng ký doanh nghiệp tại MOC, trong đó yêu cầu các tài liệu cần thiết cho việc đăng ký công ty hoặc doanh nghiệp và quy định mọi thay đổi trong công ty phải được thông báo cho MOC.

Theo LCRCR và LACRCR, sổ đăng ký thương mại liệt kê thông tin cơ bản về tất cả các thực thể kinh doanh đã đăng ký, bao gồm tên công ty, mục tiêu, hình thức công ty, địa điểm đăng ký, vốn, chứng chỉ tiền gửi do ngân hàng cấp, tên giám đốc và các cổ đông, vốn chủ sở hữu của mỗi cổ đông và các bên ký kết được ủy quyền. Cũng được liệt kê là bất kỳ bằng sáng chế, nhãn hiệu và bản quyền thuộc sở hữu của doanh nghiệp, và bất kỳ phán quyết hoặc lệnh tư pháp nào tuyên bố giải thể hoặc vô hiệu của công ty, tuyên bố công ty phá sản hoặc thanh lý theo lệnh của tòa án.

1.2 Luật doanh nghiệp thương mại

Theo Luật Doanh nghiệp Thương mại, doanh nghiệp phải tuân thủ một số yêu cầu.

1.2.1. Đại diện

Một công ty hợp danh hoặc công ty phải liên tục duy trì một đại diện đã đăng ký phải là một thể nhân có quyền hợp pháp tại Vương quốc Campuchia.

1.2.2 Đăng ký Văn phòng

Tại mọi thời điểm, một công ty phải có văn phòng đăng ký tại Vương quốc Campuchia.

1.2.3 Phát hành cổ phiếu

Công ty phải phát hành tối thiểu 1.000 cổ phiếu với mệnh giá không dưới 4.000 KHR mỗi cổ phiếu (khoảng 1 USD).

1.2.4 Chứng chỉ cổ phiếu

Mỗi cổ đông được hưởng một chứng chỉ cổ phiếu, cho các cổ phiếu được thanh toán đầy đủ.

1.2.5. Hồ sơ

Các công ty phải chuẩn bị và lưu trữ hồ sơ công ty tại văn phòng đã đăng ký, bao gồm:

- + Điều lệ và quy định của công ty;
- + Biên bản các cuộc họp và quyết định của giám đốc;

- + Bản sao của tất cả các thông báo;
- + Chứng khoán đăng ký;
- + Hồ sơ giám đốc (bao gồm cả biên bản các cuộc họp);
- + Nghị quyết của cổ đông; và
- + Hồ sơ kế toán.

1.2.6 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải tổ chức ít nhất ba tháng một lần.

1.2.7 Báo cáo hàng năm

Ngày 5 tháng 4 năm 2017, Bộ Thương mại Campuchia đã ban hành Prakas liên quan đến việc nộp báo cáo doanh nghiệp thương mại hàng năm (ADCE), trong lưu ý rằng mỗi doanh nghiệp phải nộp một ADCE cho Bộ Thương mại MOC thông qua hệ thống trực tuyến.

Việc sử dụng hệ thống trực tuyến để nộp ADCE hiện là bắt buộc và phải được thực hiện trong vòng ba tháng kể từ ngày đăng ký của doanh nghiệp trên hệ thống trực tuyến của MOC. Sau khoảng thời gian ba tháng đó, hình phạt 2.000.000 KHR (khoảng 500 USD) sẽ được áp dụng bởi MOC.

1.2.8 Báo cáo tài chính hàng năm

Hai mươi một ngày trước mỗi cuộc họp cổ đông thường niên, một báo cáo tài chính hàng năm phải được gửi cho tất cả các cổ đông (trừ khi một cổ đông đã thông báo cho công ty bằng văn bản rằng họ không muốn nhận một bản sao). Trước khi được ban hành, xuất bản và lưu hành, báo cáo tài chính hàng năm phải được hội đồng quản trị phê duyệt và trừ khi một số điều kiện được công ty đáp ứng và các cổ đông đã từ bỏ yêu cầu chỉ định kiểm toán viên, việc phê duyệt đó phải có bản sao một báo cáo của kiểm toán viên đính kèm.

1.2.9 Báo cáo quyền lợi được hưởng

Giám đốc và người tham gia phải báo cáo bằng văn bản về lợi ích của họ được hưởng liên quan đến bất kỳ hợp đồng nào với công ty, hoặc bất kỳ lợi ích vật chất nào liên quan đến hợp đồng đó.

1.2.10 Thủ tục cho các cuộc họp cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị

LCE quy định các quy trình cụ thể (bao gồm các yêu cầu đại biểu và phiếu bầu bí mật), thời hạn thông báo và công bố thông tin liên quan đến các cuộc họp của các cổ đông và các cuộc họp của giám đốc.

1.2.11 Thư ký công ty

Trong một số điều khoản, LCE đề cập đến việc sử dụng một thư ký công ty chịu trách nhiệm về việc lưu giữ biên bản của các cuộc họp của ban giám đốc và gửi các bản sao biên bản cho tất cả các giám đốc. Ngoài ra, thư ký công ty phải chuẩn bị một báo cáo bằng văn bản về thông tin liên lạc bằng văn bản của hội đồng quản trị và phân phối báo cáo này cho các giám đốc.

1.2.12 Sử dụng tên Khmer

Tất cả các doanh nghiệp phải hiển thị tên bằng tiếng Khmer. Nếu tên được hiển thị bằng ngôn ngữ khác, tên tiếng Khmer phải được đặt ở trên và lớn hơn tên trong ngôn ngữ khác. Tên tiếng Khmer phải xuất hiện trên tất cả các con dấu, bảng hiệu, tiêu đề thư và tất cả các tài liệu được sử dụng cho mục đích công cộng.

Các vấn đề chính khác do LCE quy định bao gồm:

- + Bổ nhiệm kiểm toán viên;
- + Quy định liên quan đến thanh lý một doanh nghiệp; và
- + Hình phạt áp dụng cho các hành vi vi phạm pháp luật.

1.3 Các hình thức tổ chức kinh doanh có sẵn

Tất cả các loại hình thức tổ chức kinh doanh được tóm tắt trong biểu đồ dưới đây:

Loại hình	Định nghĩa	Ưu điểm	Nhược điểm
Công ty Trách nhiệm hữu hạn	+ Là công ty trong đó trách nhiệm của cổ động bị giới hạn trong phạm vi góp vốn. + Bao gồm cả công ty TNHH tư nhân một thành viên.	+ Được chấp nhận rộng rãi + Vốn tối thiểu là 4 triệu KHR (khoảng 1.000 USD) + CDC có thể phê duyệt dự án đầu tư + Hình thức linh động	+ Có nhiều hoạt động phải chịu thuế. + Gánh nặng về hành chính + Cần phải được phê chuẩn nếu muốn chuyển nhượng cổ phần và thay đổi giám đốc (cùng với đó là các thay đổi khác tại công ty)
Chi nhánh văn phòng	+ Là chi nhánh của công ty mẹ ở nước ngoài	+ Đơn giản hóa về cấu trúc kế toán, pháp lý và quản trị nội bộ	+ Không được phép xem xét cấp phép bởi CDC. + Công ty mẹ phải chịu trách nhiệm với hoạt động của chi nhánh + Chịu nhiều khoản thuế
Văn phòng đại diện	Là đại diện địa phương của công ty mẹ	Thời gian phê chuẩn nhanh với ít các thủ tục pháp lý	+ Không được CDC xem xét cho phép đầu tư. + Phạm vi hoạt động cho phép hạn chế. + Không thể tham gia vào các hoạt động kinh doanh tại Campuchia,

1.4. Công ty trách nhiệm hữu hạn:

Công ty trách nhiệm hữu hạn là hình thức đầu tư phổ biến nhất ở Campuchia, thường được thành lập như một công ty con của một công ty mẹ ở nước ngoài. Công ty trách nhiệm hữu hạn có thể là 100% vốn Campuchia, 100% vốn nước ngoài hoặc có bất kỳ sự kết hợp nào giữa cổ đông của Campuchia hoặc nước ngoài, phải chịu một số hạn chế nhất định.

Một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập với việc đăng ký điều lệ công ty tại MOC và nhận được giấy chứng nhận thành lập từ MOC. Mọi thay đổi đối với điều lệ và các tài liệu khác của công ty cũng phải được đăng ký kịp thời tại MOC để có hiệu lực.

Sau khi thành lập, một công ty trách nhiệm hữu hạn phải chuẩn bị và lưu giữ tại văn phòng đã đăng ký của mình, các hồ sơ sau:

- + Điều lệ, quy định và tất cả các sửa đổi sau đó;
- + Biên bản họp và Nghị quyết của cổ đông;
- + Bản sao của tất cả các thông báo sẽ được gửi hoặc nộp theo LCE;
- + Sổ đăng ký chứng khoán; và
- + Hồ sơ kế toán.

Một công ty trách nhiệm hữu hạn phải phát hành tối thiểu 1.000 cổ phiếu với mệnh giá không dưới 4.000 KHR mỗi cổ phiếu (xấp xỉ một đô la Mỹ). Công ty chỉ có một loại cổ phiếu trừ khi các Điều khoản chi định các loại khác. Tùy thuộc vào các quyền khác nhau, các cổ đông có quyền bỏ phiếu tại bất kỳ cuộc họp nào của các cổ đông, nhận bất kỳ khoản cổ tức nào do công ty tuyên bố và nhận tài sản còn lại của công ty sau khi giải thể. Nếu các Điều khoản quy định nhiều hơn một loại cổ phần, thì quyền của từng loại cổ phần có thể là tuyệt đối, tương đối hoặc tùy thuộc; các quyền, đặc quyền, hạn chế và điều kiện gắn với cổ phần của mỗi loại phải được nêu chi tiết trong Điều lệ.

Hội đồng quản trị có quyền hạn rộng lớn để quản lý doanh nghiệp. Bao gồm các quyền hạn để:

- Bổ nhiệm và bãi nhiệm, thay đổi tiền lương của người khác;
- Phát hành, phát hành lại hoặc bán chứng khoán của các công ty;
- Thông qua nghị quyết; và
- Cung cấp bảo lãnh thay mặt cho công ty.

Giám đốc phải hoạt động (với thiện chí) trong phạm vi của các mục tiêu kinh doanh của công ty, trong khuôn khổ của các điều khoản của công ty và tuân thủ luật pháp hiện hành. Ngoài ra, giám đốc phải tuân thủ các yêu cầu đăng ký, nộp đơn và xuất bản có liên quan của công ty. Sổ sách kế toán và hồ sơ của năm tài chính có liên quan phải được duy trì hợp lệ tại văn phòng đã đăng ký trong mười năm nữa.

Tại mỗi cuộc họp cổ đông thường niên, các giám đốc phải trình bày báo cáo tài chính hàng năm cho các cổ đông. Báo cáo tài chính hàng năm phải được hội đồng quản trị phê duyệt và kèm theo báo cáo kiểm toán viên (trong trường hợp hạn chế, theo đó việc bổ nhiệm kiểm toán viên có thể được miễn theo nghị quyết của cổ đông) trước khi được ban hành, công bố và lưu hành.

1.5 Các loại công ty trách nhiệm hữu hạn

Theo LCE, các loại công ty trách nhiệm hữu hạn được phép được liệt kê dưới đây, LCE mô tả chi tiết sự khác biệt giữa các hình thức này.

Loại hình	Đặc điểm
Công ty hữu hạn tư nhân một thành viên	Một công ty TNHH tư nhân với một thể nhân hoặc pháp nhân là cổ đông. Yêu cầu tối thiểu một giám đốc
Công ty hữu hạn tư nhân	Một công ty TNHH có từ 02 đến 30 cổ đông. Yêu cầu tối thiểu một giám đốc. Có thể có những hạn chế đối với việc chuyển nhượng mỗi loại cổ phần theo quy định của Điều lệ
Công ty hữu hạn đại chúng	Công ty TNHH được ủy quyền bởi Luật Doanh nghiệp thương mại phát hành chứng khoán ra công chúng. Yêu cầu tối thiểu ba giám đốc.

1.6 Chi nhánh Văn phòng

Một thực thể nước ngoài hoặc địa phương có thể hoạt động kinh doanh tại Campuchia dưới hình thức một chi nhánh. Mặc dù tương đối phổ biến trong cộng đồng ngân hàng, chính sách của Chính phủ (trước đây) là sẽ giới hạn việc cho phép các nhà đầu tư nước ngoài mở các chi nhánh khi thực hiện hợp đồng với Chính phủ.

Một giới hạn như vậy là không có trong pháp luật hiện hành, một cân nhắc đáng chú ý cho các chi nhánh là công ty mẹ nước ngoài có thể chịu trách nhiệm về các khoản lỗ và nợ của chi nhánh. Các chi nhánh không thể nắm giữ các dự án đầu tư đủ điều kiện (Nhật ký QIPs) và không có tính cách pháp lý riêng biệt với công ty mẹ chính của họ.

1.7 Văn phòng đại diện

Đối với một số nhà đầu tư, nhu cầu thành lập công ty con hoặc chi nhánh của công ty mẹ, trong khi có thể thấy trong dài hạn là không cần thiết ngay lập tức. Một hình thức phù hợp hơn có thể là hình thức văn phòng đại diện. Các văn phòng đại diện chủ yếu được sử dụng để tìm nguồn cung ứng hàng hóa và dịch vụ địa phương, thu thập thông tin cho công ty mẹ. Chúng cũng đóng vai trò là phương tiện để quảng bá và tiếp thị các sản phẩm và dịch vụ dành cho khách hàng ở Campuchia. Do đó, chúng phù hợp nhất để hỗ trợ các nhà đầu tư nước ngoài đang có kế hoạch muốn tham gia vào thị trường Campuchia.

Một văn phòng đại diện không được phép tham gia vào giao dịch tích cực hoặc cung cấp dịch vụ tại Campuchia; không được mua, bán hoặc thực hiện bất kỳ dịch vụ hoặc hoạt động nào được coi là trong phạm vi thông thường của công ty mẹ; không được tham gia vào sản xuất, chế biến hoặc xây dựng. Các hoạt động được phép bao gồm quyền sử dụng lao động địa phương, và tiếp thị sản phẩm và dịch vụ tại các hội chợ thương mại. Đại diện có thể đàm phán hợp đồng thương mại thay mặt công ty mẹ nhưng bản hợp đồng này chỉ có giá trị khi công ty mẹ tham gia.

Văn phòng đại diện là một thực thể pháp lý không chịu thuế. Tuy nhiên, người đại diện được yêu cầu khấu trừ thuế lương đối với tiền lương trả cho nhân viên và đóng thuế bằng sáng chế (thuế hoạt động kinh doanh hàng năm). Văn phòng đại diện không thể đăng ký các dự án QIP.

1.8 Quan hệ đối tác

Một quan hệ đối tác chung của một người khác là một hợp đồng giữa một hoặc nhiều người để kết hợp tài sản, kinh nghiệm hoặc hoạt động của họ để thực hiện công việc để thu lợi nhuận. Họ phải chịu trách nhiệm chung đối với các nghĩa vụ của quan hệ đối tác đối với bên thứ ba.

Một quan hệ đối tác hạn chế là một hợp đồng hợp tác giữa một hoặc nhiều đối tác là những người duy nhất được ủy quyền quản lý và ràng buộc một hoặc nhiều đối tác hạn chế, những người buộc phải đóng góp vào vốn của đối tác. Các đối tác chung chịu trách nhiệm chung đối với các khoản nợ của đối tác cho bên thứ ba, trong khi các đối tác hạn chế chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi số tiền hoặc giá trị tài sản mà họ đồng ý đóng góp.

Mặc dù hình thức này là phổ biến đối với các doanh nghiệp địa phương và doanh nghiệp nhỏ, nhưng đối với các khoản đầu tư lớn hơn thì các quy trình được sử dụng để đăng ký hình thức kinh doanh này không rõ ràng, do thiếu tiền lệ cho đến nay.

1.9 Hạn chế đối với cổ phần nước ngoài

Campuchia đặt rất ít hạn chế về mức độ tham gia đầu tư của nước ngoài. Do đó, một tỷ lệ đáng kể các nhà đầu tư chọn thành lập 100% công ty TNHH nước ngoài. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng chỉ có một pháp nhân hoặc công dân Campuchia mới có thể sở hữu đất đai và quyền sở hữu nước ngoài cũng bị hạn chế trong một số lĩnh vực nhất định.

1.10 Phê duyệt, Giấy phép và Giấy phép bắt buộc

Một số lĩnh vực kinh doanh như; ngân hàng, trường học, xây dựng và bất động sản, cho thuê tài chính, bảo hiểm, y tế, khai thác, dầu khí, viễn thông và tư vấn về đầu tư đòi hỏi phải có giấy phép đặc biệt từ các cơ quan Chính phủ.

Hiện nay, các quy tắc và quy định liên quan đến lao động nước ngoài thường xuyên thay đổi, và các yêu cầu của chính quyền có thể thay đổi từ ứng dụng này sang ứng dụng khác. Chúng tôi hiểu rằng Bộ Lao động, Việc làm và An sinh Xã hội hiện đang soạn thảo Đạo luật Lao động Nước ngoài, hy vọng sẽ chính thức hóa thị thực và yêu cầu giấy phép cho tất cả người lao động nước ngoài trong tương lai.

III/ CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN THUẾ

1.1. Tổng quan:

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2016, Campuchia có ba loại chế độ thuế: thực tế, đơn giản hóa và ước tính. Trong đó, người nộp thuế ước tính là người nộp đã thương lượng trước thuế của họ, trong khi người nộp thuế ở chế độ thực tế được yêu cầu nộp tờ khai thuế hàng tháng, hàng năm và khai thuế trên cơ sở tự đánh giá. Trong thực tế, 80% các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Campuchia đều thuộc vào chế độ thuế ước tính và chỉ đóng góp dưới 10% doanh thu thuế hàng năm. Do sự thiếu hiệu quả này, Luật Quản lý tài chính 2016 đã bãi bỏ cả hai chế độ thuế đơn giản và ước tính ở Campuchia.

Thay đổi chế độ thuế:

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 chỉ còn một chế độ thuế ở Campuchia, chế độ thuế thực sự sau đó được đổi tên thành chế độ thuế tự đánh giá. Chế độ tự đánh giá bao gồm ba loại người nộp thuế như được nêu dưới đây:

Người nộp thuế nhỏ: Người nộp thuế thuộc loại hình Quyền sở hữu hoặc Quan hệ đối tác duy nhất:

- Có doanh thu chịu thuế hàng năm từ 250 triệu KHR (62.500 USD) đến 700 triệu KHR (175.000 USD);

- Có doanh thu chịu thuế, trong bất kỳ giai đoạn nào trong ba tháng dương lịch liên tiếp (trong năm tính thuế), vượt quá 60 triệu KHR (15.000 USD);

- Doanh thu chịu thuế dự kiến từ 60 triệu KHR (15.000 USD) trở lên trong ba tháng liên tiếp tiếp theo; và

- Tham gia vào bất kỳ hoạt động đấu thầu, báo giá hoặc khảo sát nào để cung cấp hàng hóa và dịch vụ.

Người nộp thuế trung bình:

- Doanh nghiệp có doanh thu hàng năm từ 700 triệu KHR (175.000 USD) đến 4 tỷ KHR (1.000.000 USD);

- Doanh nghiệp thành lập với tư cách pháp nhân; và

- Tổ chức Chính phủ, cơ quan ngoại giao và lãnh sự nước ngoài, các tổ chức và cơ quan quốc tế.

Người nộp thuế lớn:

- Doanh nghiệp có doanh thu hàng năm trên 4 tỷ KHR (1.000.000 USD);

- Chi nhánh của một công ty nước ngoài;

- Công ty con của các công ty đa quốc gia; và

- Các doanh nghiệp đã đăng ký như một Dự án đầu tư đủ tiêu chuẩn được phê duyệt bởi Hội đồng phát triển Campuchia.

* Chú ý: Nội dung quy định về Người nộp thuế nhỏ được nêu trong Prakas số 1820 MEF.Prk ngày 25 tháng 12 năm 2015 về Phương pháp và Thủ tục thực hiện

Hồ sơ kế toán đơn giản cho người nộp thuế nhỏ. Hệ thống kế toán đơn giản cung cấp các quy tắc quy định về ghi lại chi phí, tài sản khấu hao, yêu cầu WHT và ghi nhận thu nhập có thể khác với các quy tắc chung như được nêu trong phần này áp dụng cho người nộp thuế Trung bình và Lớn.

Tài liệu tham khảo về người nộp thuế tự đánh giá (SAT) trong phần này đề cập đến người nộp thuế trung bình và lớn.

+ Thuế hàng năm gồm:

Thuế thu nhập (TOI)

Thuế tối thiểu (MT)

+ Thuế hàng tháng gồm:

Trả trước thuế thu nhập (PIT)

Thuế khấu trừ (WHT)

Thuế đối với tiền lương (TOS)

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

+ Các loại thuế quan trọng khác gồm:

Thuế bằng sáng chế (PT)

Thuế cụ thể đối với một số hàng hóa và dịch vụ (ST)

Thuế chỗ ở (AT)

Thuế đánh vào ánh sáng công cộng (TPL)

Thuế đánh vào đất chưa sử dụng (TUL)

Thuế đánh vào tài sản bất động sản (TIM)

Thuế bổ sung cho phân bổ cổ tức (ATDD)

1.2 Loại thuế hàng năm

Vào cuối mỗi năm tính thuế (là một năm dương lịch), người nộp thuế SAT phải trả TOI hoặc MT, trước ngày 31 tháng 3 của năm sau, tùy theo mức nào cao hơn.

Thuế thu nhập

TOI là thuế đánh vào thu nhập (doanh thu - chi phí) với tỷ lệ tiêu chuẩn là 20%. Trước đây được gọi là Thuế lợi nhuận, được đổi thành Thuế thu nhập trong năm 2017.

Tỷ lệ các loại thuế thu nhập

Loại hình kinh doanh	Thuế suất
Pháp nhân (doanh nghiệp nói chung)	20%
Người đóng thuế nhỏ	Tỷ lệ lũy tiến

Các hợp đồng sản xuất ga tự nhiên hay dầu mỏ hoặc khai thác khoáng sản	30%
Các hoạt động bảo hiểm đối với tài sản hoặc rủi ro ở Campuchia	5% trên tổng phí bảo hiểm

* Chú ý: Theo Luật Quản lý tài chính năm 2017, thuế của các tổ chức bảo hiểm đã được sửa đổi. Đối với các hoạt động bảo hiểm hoặc tái bảo hiểm đối với tài sản hoặc rủi ro tại Vương quốc Campuchia, Thuế thu nhập sẽ được xác định bằng 5% tổng phí bảo hiểm được nhận trong năm tính thuế.

Đối với các hoạt động bảo hiểm hoặc tái bảo hiểm nhân thọ, Thuế thu nhập sẽ là 20% thu nhập chịu thuế. Dự kiến các quy tắc và thủ tục bổ sung cho việc nộp thuế thu nhập cho các tổ chức bảo hiểm sẽ được xác định bởi một Prakas từ Bộ trưởng Bộ Kinh tế và Tài chính (chưa được công bố).

Khấu trừ chi phí

Theo nguyên tắc chung, chi phí được khấu trừ nếu được thanh toán hoặc phát sinh trong một năm tính thuế để thực hiện công việc kinh doanh của người nộp thuế. Các quy định về thuế quy định rằng “các chi phí khác liên quan đến quản lý bất thường”, “các chi phí khác nhằm cung cấp lợi ích cho các bên thứ ba”, “các chi phí cho các nhu cầu cá nhân” và “các chi phí xa hoa” không được khấu trừ thuế.

Các quy tắc đặc biệt áp dụng các khoản khấu trừ giới hạn cho các khoản đóng góp hàng năm và từ thiện.

Chi phí không được khấu trừ

Các chi phí đặc biệt không được phép vì các khoản khấu trừ thuế bao gồm:

- + Mọi chi phí liên quan đến vui chơi, giải trí hoặc giải trí;
- + Chi phí cá nhân hoặc sinh hoạt;
- + Hình phạt và tiền phạt;
- + Quyên góp, tài trợ hoặc trợ cấp;
- + Trả trước thuế lợi nhuận, thuế tối thiểu hoặc thuế lợi nhuận;
- + Khấu trừ thuế và thuế lương do doanh nghiệp chịu; và
- + Tổn thất khi bán hoặc trao đổi tài sản trực tiếp hoặc gián tiếp giữa các bên liên quan.
- + Chi phí kinh doanh không liên quan.

Khấu hao thuế

Khấu hao thuế dựa trên các phương pháp khấu hao chi tiết dưới đây:

Tài sản	Phương pháp	Tỷ suất
Tài sản vô hình		

Có vai trò hữu ích	Khấu hao đường thẳng	Dựa trên tính toán qua định giá hữu ích
Không có vai trò hữu dụng	Khấu hao đường thẳng	10%
Tài sản cố định		
Loại 1: Nhà cửa và cấu trúc bao gồm thành phần cơ bản	Khấu hao đường thẳng	5%
Loại 2: Máy tính, hệ thống điện tử thông tin, phần mềm, thiết bị xử lý dữ liệu	Khấu hao theo số dư giảm dần	50%
Loại 3: Ô tô, máy xúc và các thiết bị văn phòng	Khấu hao theo số dư giảm dần	25%
Loại 4: Các tài sản cố định khác	Khấu hao theo số dư giảm dần	20%

1.3 Thuế tối thiểu (MT)

MT là thuế hàng năm và tách biệt với TOI. MT được tính bằng 1% doanh thu hàng năm đã bao gồm tất cả các loại thuế trừ VAT. Tuy nhiên, xin lưu ý rằng khoản thanh toán hàng tháng của Thuế thu nhập trả trước (xem bên dưới) thường đủ để chi trả cho MT. Do đó, nếu MT phải trả thay cho TOI, thông thường không cần thanh toán MT bổ sung.

Một số doanh nghiệp và ngành công nghiệp ở Campuchia được miễn MT. Các doanh nghiệp này bao gồm Dự án đầu tư đủ điều kiện (được miễn MT trong thời gian QIP và PIT trong thời gian miễn thuế TOI), các trường đại học, viện của giáo dục (được miễn MT và PIT cho đến năm 2018) và các doanh nghiệp vừa và nhỏ đăng ký thuế trong năm 2017 và 2018.

Luật Quản lý tài chính năm 2017 đã sửa đổi nghĩa vụ thanh toán MT bằng quy định: thuế này sẽ chỉ được áp dụng đối với một doanh nghiệp không lưu giữ hồ sơ tài khoản thích hợp. Prakas 638 ban hành ngày 4 tháng 7 năm 2017 quy định những gì cấu thành hồ sơ kế toán không phù hợp như sau:

Doanh nghiệp có hồ sơ kế toán không đáp ứng các yêu cầu do Tổng cục Thuế và Bộ Kinh tế và Tài chính đặt ra;

Doanh nghiệp không phát hành hóa đơn cho các giao dịch kinh doanh như được nêu trong các Điều 77, 79 và 98 của LOT;

Doanh nghiệp có hành vi bất cẩn nghiêm trọng theo quy định tại Điều 126 của LOT;

Doanh nghiệp có hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều 127 của LOT; và

Doanh nghiệp không có báo cáo kiểm toán từ kiểm toán viên độc lập nếu doanh thu hàng năm của họ lớn hơn Khmer Riel 2.000 triệu (khoảng 500.000 USD).

1.4 Thuế hàng tháng

Trả trước thuế thu nhập

Như đã lưu ý tại Điều 28 của LOT, một doanh nghiệp chịu trách nhiệm với TOI theo chế độ tự đánh giá có nghĩa vụ tạo thuế thu nhập cá nhân (TNCN) hàng tháng với thuế suất 1% doanh thu hàng tháng đã bao gồm tất cả các loại thuế, trừ VAT, được ghi nhận trong tháng trước.

Chúng tôi đã nhấn mạnh để nêu bật thực tế rằng: mặc dù người nộp thuế có thể đủ điều kiện được miễn MT theo Prakas 638 vẫn sẽ phải trả PIT 1% hàng tháng ngoại trừ các thực thể QIP trong thời gian được miễn TOI.

Đối với những người nộp thuế được miễn thuế theo Prakas 638 và bị lỗ thuế trong năm thuế TNCN 1% hàng tháng (tính trên doanh thu hàng tháng) sẽ được chuyển sang năm tiếp theo dưới dạng tín dụng thuế, cho đến khi doanh nghiệp có lãi tại thời điểm các khoản tín dụng thuế tích lũy, có thể được sử dụng để bù đắp cho bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào của TOI.

Khấu trừ thuế (Withholding Tax)

Người nộp thuế tiến hành kinh doanh tại Campuchia phải giữ lại một số tiền nhất định từ các khoản thanh toán cho người nộp thuế cư trú và không cư trú. Số tiền giữ lại được nộp cho Tổng cục thuế (GDT). Các khoản thanh toán sau phải tuân theo WHT.

Thanh toán của người nộp thuế cư trú cho cư dân đối với:

Hiệu suất dịch vụ - 15% (trừ các khoản thanh toán cho người nộp thuế đã đăng ký thuế được hỗ trợ bởi hóa đơn VAT hợp lệ);

Lãi suất - 15% (trừ ngân hàng trong nước và các tổ chức tiết kiệm);

Tiền bản quyền - 15%;

Cho thuê - 10%;

Khoản trả lãi cho các khoản tiền gửi cố định được thực hiện bởi các ngân hàng địa phương cho cư dân - 6%; và

Khoản trả lãi cho các tài khoản tiết kiệm được thực hiện bởi các ngân hàng địa phương cho cư dân - 4%.

Thanh toán của người nộp thuế cư trú cho người không cư trú *đối với:

Lãi suất - 14%;

Tiền bản quyền, tiền cho thuê và thu nhập khác liên quan đến việc sử dụng tài sản - 14%;

Phí quản lý và kỹ thuật - 14%; và

Cổ tức - 14%.

WHT không áp dụng để bán thanh toán hàng hóa.

* Chú ý: Campuchia hiện có Thỏa thuận thuế kép, có thể giảm tỷ lệ WHT tiêu chuẩn 14% đối với một số giao dịch nhất định để đủ điều kiện không cư trú.

1.5 Thuế đối với tiền lương (TOS)

Một cá nhân là cư dân phải đóng thuế của Campuchia phải chịu đóng thuế đối với thu nhập tiền lương có nguồn gốc từ Campuchia và nước ngoài với tỷ lệ lũy tiến từ 0% đến 20%, trong khi một cá nhân không cư trú chỉ chịu mức thuế suất 20% đối với thu nhập từ tiền lương của Campuchia .

Các cá nhân được phân loại là người nộp thuế cư trú, hoặc không cư trú. Một cá nhân được coi là cư dân nếu nơi cư trú, hoặc nơi cư trú chính của họ ở Campuchia, hoặc có mặt ở Campuchia trong hơn 182 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 12 tháng nào. Người không cư trú là người không đáp ứng các tiêu chí trên. Mức lương bao gồm tiền công, tiền lương, tiền thưởng, làm thêm giờ, bồi thường và các khoản vay hoặc tiền ứng trước do người sử dụng lao động cung cấp.

Cơ sở cho thuế TOS có thể được giảm thông qua khoản giảm giá được cung cấp cho mọi trẻ em phụ thuộc và vợ hoặc chồng không làm việc của nhân viên thường trú. Khoản giảm giá phụ thuộc đã tăng từ 75.000 KHR lên 150.000 KHR (cho mọi trẻ em phụ thuộc và vợ hoặc chồng không làm việc) theo Luật Quản lý Tài chính 2017 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

Lương miễn trừ thuế

Các khoản thanh toán tiền lương sau đây mà người nộp thuế cư trú nhận được không phải chịu thuế TOS:

Hoàn trả chi phí kinh doanh của người sử dụng lao động với điều kiện; các chi phí phát sinh trong quá trình làm việc, không quá mức, và có thể được chứng minh;

Bồi thường vì bị sa thải trong giới hạn của Luật Lao động;

Thù lao bổ sung nhận được với các đặc điểm xã hội như được nêu trong Luật Lao động;

Cung cấp đồng phục miễn phí hoặc dưới giá thành hoặc thiết bị chuyên nghiệp đặc biệt được sử dụng trong quá trình làm việc; và

Phụ cấp chỗ ở và chi phí đi lại nhận được trong quá trình làm việc, trong đó phụ cấp không vượt quá chi phí phát sinh.

Thông tư 011 ban hành năm 2016 quy định các khoản phụ cấp mà nhân viên nhận được trong quá trình làm việc, không được tính vào thuế tiền lương, và không phải chịu thuế lợi ích bên lề với điều kiện là tài liệu của hỗ trợ cho các khoản phụ cấp đã được nộp theo Thông tư 011 của GDT. Đáng chú ý, GDT đã mở rộng các tiêu chí đủ điều kiện để miễn trừ này cho nhân viên và công nhân của tất cả các nhà máy và doanh nghiệp.

Các khoản phụ cấp được dự tính rõ ràng theo Thông tư 011 như sau:

Các khoản phụ cấp đi lại bao gồm việc đi lại và đi từ nơi cư trú và nơi làm việc của nhân viên;

Trợ cấp chỗ ở hoặc nhà ở được cung cấp trong nơi làm việc theo Luật Lao động;

Phụ cấp bữa ăn được cung cấp cho tất cả nhân viên và người lao động bất kể vị trí hoặc chức năng của họ;

Quỹ an sinh xã hội quốc gia hoặc quỹ phúc lợi xã hội trong giới hạn theo quy định của pháp luật;

Bảo hiểm y tế, hoặc bảo hiểm nhân thọ được cung cấp cho tất cả công nhân và nhân viên bất kể vị trí hoặc chức năng của họ;

Trợ cấp trẻ sơ sinh hoặc chi phí trung tâm chăm sóc trẻ sơ sinh theo quy định của Luật Lao động; và

Trợ cấp thôi việc khi chấm dứt việc làm hoặc bồi thường cho việc sa thải trong giới hạn theo quy định của Luật Lao động.

Mức thuế lương

Luật Quản lý tài chính năm 2018 đã sửa đổi thuế hàng tháng đối với mức lương cho nhân viên cư trú thuế ở Campuchia như sau:

(i) Giá trước ngày 1 tháng 1 năm 2018

Mức lương tháng Khmer Riel (KHR)	Quy đổi ra USD	Thuế suất
0 – 1.000.000	0 – 250	0
1.000.001 – 1.500.000	250 – 375	5%
1.500.001 – 8.500.000	375 – 2.125	10%
8.500.001 – 12.500.000	2.125 – 3.125	15%
12.500.001 – trở lên	3.125	20%

Tỷ giá quy đổi 1 USD = 4.000 KHR

(ii) Thuế suất có hiệu lực từ ngày 01/01/2018

Mức lương tháng Khmer Riel (KHR)	Quy đổi ra USD	Thuế suất
0 – 1.200.000	0 – 300	0
1.200.001 – 2.000.000	3000 – 500	5%
2.000.001 – 8.500.000	500 – 2.125	10%

8.500.001 – 12.500.000	2.125 – 3.125	15%
12.500.001 – trở lên	3.125	20%

Tỷ giá quy đổi 1 USD = 4.000 KHR

Thuế phúc lợi (Fringe Benefits Tax – FBT)

Các lợi ích bên lề do nhà tuyển dụng cung cấp cho nhân viên phải chịu FBT với tỷ lệ 20%.

FBT chủ yếu được áp dụng cho các lợi ích sau:

Phương tiện sử dụng cá nhân;

Chỗ ở, thực phẩm, tiện ích và nhân viên hộ gia đình;

Hỗ trợ giáo dục (trừ đào tạo liên quan đến việc làm);

Cho vay lãi suất thấp;

Giảm giá bán hàng;

Đóng góp xã hội vượt quá mức quy định của luật Lao động;

Phí bảo hiểm nhân thọ và sức khỏe (trừ khi được cung cấp cho tất cả nhân viên bất kể phân loại công việc);

Đóng góp lương hưu vượt quá 10% tiền lương hàng tháng của nhân viên; và

Chi phí vui chơi, giải trí hoặc giải trí không phải là một phần của hoạt động việc làm.

1.6 Thuế giá trị gia tăng

Thuế VAT được áp dụng cho việc cung ứng hàng hóa và dịch vụ. Hàng hóa được định nghĩa là hàng hóa hữu hình khác với đất đai và tiền bạc. Dịch vụ được định nghĩa là việc cung cấp một cái gì đó có giá trị khác ngoài hàng hóa, đất đai hoặc tiền bạc.

Một doanh nghiệp được yêu cầu áp dụng thuế VAT với thuế suất tiêu chuẩn 10% đối với các vật tư chịu thuế ở Campuchia, bao gồm cả việc nhập khẩu hàng hóa vào Campuchia. Thuế suất 0% (thuế suất 0%) áp dụng cho hàng hóa xuất khẩu từ Campuchia. Vật tư chịu thuế là bất kỳ vật tư nào khác ngoài vật tư không chịu thuế. **Các vật tư không chịu thuế không chịu thuế VAT bao gồm:**

Dịch vụ bưu chính công cộng;

Bệnh viện, phòng khám, dịch vụ y tế và nha khoa và bán hàng hóa y tế và nha khoa liên quan đến việc thực hiện các dịch vụ đó;

Dịch vụ giao thông công cộng thuộc sở hữu nhà nước;

Dịch vụ bảo hiểm;

Dịch vụ tài chính (Định nghĩa về những gì cấu thành một Dịch vụ tài chính chính hiện đang được Bộ Kinh tế và Tài chính xem xét);

Việc nhập khẩu vật phẩm để sử dụng cá nhân được miễn thuế hải quan; và
Hoạt động phi lợi nhuận vì lợi ích công cộng được Bộ Kinh tế và Tài chính công nhận.

Luật Quản lý tài chính năm 2017 đã quy định một số loại vật tư không chịu thuế, cụ thể là:

Dịch vụ giáo dục;

Cung cấp điện và nước sạch;

Nông sản chưa qua chế biến; và

Các dịch vụ liên quan đến việc loại bỏ và / hoặc loại bỏ chất thải hoặc rắn hoặc lỏng.

Prakas 559 ban hành vào tháng 5 năm 2017 tiếp tục mở rộng các loại vật tư không chịu thuế mới như sau:

Thuật ngữ điện có nghĩa là điện được cung cấp cho mục đích tiêu dùng trong nước hoặc tiêu dùng kinh doanh. Việc cung cấp điện không bao gồm lắp đặt cáp hoặc các công cụ đo lường liên quan khác.

Thuật ngữ Nước sạch, dùng để chỉ nước sạch được cung cấp cho mục đích tiêu dùng trong nước hoặc tiêu dùng kinh doanh trừ việc bán nước uống. Việc cung cấp nước sạch không bao gồm lắp đặt đường ống hoặc các công cụ đo lường khác.

Thuật ngữ sản phẩm nông nghiệp chưa qua chế biến, đề cập đến củ, hoa, lá, chồi hoặc mút, rễ và các yếu tố thực vật ...thu được từ đất canh tác địa phương, dù được cắt lát hay tiếp đất, chưa được xử lý để tạo ra một sản phẩm cuối cùng sản phẩm.

Thuật ngữ chất thải rắn và chất lỏng có nghĩa là đề cập đến vật liệu rắn và lỏng hoặc các chất không còn có thể được sử dụng hoặc đã bị bỏ đi.

Hệ thống VAT

Hệ thống VAT của Campuchia giống như hệ thống VAT thông thường, theo đó, một doanh nghiệp đã đăng ký VAT có thể bù VAT đầu vào phát sinh khi mua hàng so với VAT đầu ra. Trong trường hợp thuế VAT đầu vào của người nộp thuế trong tháng vượt quá VAT đầu ra (nghĩa là tín dụng VAT), người nộp thuế được phép chuyển tín dụng VAT để bù VAT đầu ra trong giai đoạn tiếp theo.

VAT được trả cho các chi phí sau đây không thể được sử dụng làm đầu vào VAT:

Chi phí giải trí;

Sản phẩm hoặc nhập khẩu một số sản phẩm dầu khí;

Mua hoặc nhập khẩu xe chở khách; và

Cuộc gọi điện thoại di động

1.7 Các loại thuế khác

Thuế sáng chế (PT)

Các doanh nghiệp được yêu cầu thanh toán PT khi đăng ký kinh doanh và hàng năm sau đó cho mỗi hoạt động kinh doanh mà họ thực hiện. Trong những năm trước, phí Chính phủ yêu cầu để có được Chứng chỉ PT là khoảng 285 USD. Phí PT được sửa đổi như sau: Người đóng thuế nhỏ phí là 100 USD, trung bình là 300 USD, người đóng thuế lớn 750 – 1.250 USD (Nếu doanh thu hàng năm của Người nộp thuế lớn vượt quá 10 tỷ KHR (2,5 triệu USD) thì PT phải trả sẽ là 1.250 USD. Nếu doanh thu hàng năm của Người nộp thuế lớn dưới 10 tỷ KHR (2,5 triệu USD), số tiền PT phải trả sẽ là 750 USD.)

PT phải được thanh toán tại nơi người nộp thuế có hoạt động kinh doanh cụ thể / thực sự của họ. Người nộp thuế có văn phòng chi nhánh, nhà kho, nhà máy và xưởng có cùng mục tiêu kinh doanh ở cùng địa điểm (thành phố, tỉnh) chỉ phải trả một khoản phí PT.

Thuế cụ thể đối với một số hàng hóa và dịch vụ (ST)

ST được áp dụng đối với một số sản phẩm và dịch vụ nhập khẩu. Tỷ lệ dao động từ 3% đến 45%. Các mặt hàng thuộc ST này bao gồm nước ngọt, đồ uống có cồn, thuốc lá và một số dịch vụ như giải trí, vé máy bay trong nước và quốc tế và dịch vụ điện thoại.

Thuế chỗ ở (AT)

AT là một loại thuế đánh vào các dịch vụ lưu trú được cung cấp bởi các khách sạn. AT được tính theo tỷ lệ 2% trên phí chỗ ở đã bao gồm các phí dịch vụ và thuế khác trừ VAT và chính AT.

Thuế chiếu sáng công cộng (TPL)

TPL được quy định với tỷ lệ 3% trên giá bán đồ uống có cồn và thuốc lá, dù là nhập khẩu hay sản xuất trong nước. Cơ sở thuế của TPL được tính đã bao gồm tất cả các loại thuế hiện hành trừ VAT và chính TPL.

Prakas 976 bắt đầu có hiệu lực vào ngày 9 tháng 10 năm 2017 mang đến một biện pháp giảm thuế đối với doanh nghiệp bán hàng thứ cấp của Rượu và Thuốc lá. Prakas 976 giảm cơ sở thuế dựa trên tính toán của TPL bằng 20% giá bán, không bao gồm chính TPL và VAT cho nhà nhập khẩu hoặc nhà sản xuất địa phương.

Thuế tem (SD)

SD được áp dụng đối với việc chuyển quyền sở hữu bất động sản, tất cả các loại phương tiện và cổ phiếu. SD cũng được áp dụng đối với các hợp đồng cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho các tổ chức công cộng và một số văn bản pháp lý liên quan đến việc thành lập, sáp nhập hoặc giải thể doanh nghiệp. Tỷ lệ như sau:

Chuyển quyền sở hữu hoặc quyền sở hữu bất động sản và sự đóng góp của bất động sản làm vốn trong một công ty: 4% giá trị của tài sản bất động sản;

Chuyển quyền sở hữu hoặc quyền sở hữu phương tiện: 4% giá trị xe cộ;

Chuyển nhượng bất kỳ hoặc tất cả các bộ phận của công ty cổ phần: 0,1% giá trị cổ phần được chuyển nhượng;

Đăng ký hợp đồng cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ cho Chính phủ: 0,1% giá hợp đồng; và

Đăng ký các tài liệu pháp lý như giấy chứng nhận thành lập, chứng nhận sáp nhập và thư chứng minh sự kết thúc của công ty: 1 triệu KHR (khoảng 250 USD).

Theo Luật Quản lý Tài chính 2017 và Prakas 507 của Bộ trưởng Bộ Kinh tế và Tài chính (MEF), Thuế tem sẽ được miễn và chịu sự giảm thuế như sau:

Thuế tem sẽ được miễn cho:

- Việc mua lại quyền sở hữu hoặc quyền thuê nhà đối với đất nhượng quyền do Chính phủ Hoàng gia cấp;

- Việc mua lại quyền sở hữu hoặc quyền thuê nhà đối với tài sản bất động sản giữa những người thân;

- Mua lại quyền sở hữu đối với tất cả các loại xe máy, xe ba bánh, máy kéo và tất cả các loại phương tiện truyền thông nước có công suất lên tới 150 mã lực;

- Chuyển nhượng cổ phần, nhận cổ phần, sáp nhập công ty, tái cấu trúc thành phần cổ đông, phân chia cổ phần của các công ty phát hành chứng khoán cho các thành viên của công chúng với sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch Campuchia;

- Việc mua lại quyền sở hữu hoặc quyền thuê nhà đối với bất động sản và tất cả các loại phương tiện được đăng ký theo bản kiểm kê của các tổ chức Chính phủ;

- Mua lại quyền sở hữu hoặc quyền thuê nhà đối với bất động sản và tất cả các loại phương tiện thuộc các cơ quan ngoại giao hoặc lãnh sự nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế, hoặc các cơ quan hợp tác kỹ thuật của các chính phủ khác; và

- Việc mua phương tiện vận tải hoặc phương tiện làm hàng hóa để bán lại của các doanh nghiệp đã đăng ký với cơ quan thuế.

- Việc mua lại quyền sở hữu hoặc quyền thuê nhà của bất động sản giữa những người thân cũng sẽ được giảm thuế.

Các quy tắc và thủ tục về miễn thuế và giảm thuế theo quy định ở trên sẽ được xác định bởi một Prakas do MEF ban hành.

Thuế đối với bất động sản (TIM)

Định nghĩa về bất động sản bao gồm; đất, nhà, công trình và xây dựng khác. TIM được áp dụng ở mức 0,1% trên giá trị của bất động sản vượt quá ngưỡng 100 triệu KHR (khoảng 25.000 USD). Giá trị bất động sản Giá trị gia tăng được xác định bởi Ủy ban đánh giá tài sản bất động sản. Tờ khai thuế tài sản phải được nộp và thuế được trả trước ngày 30 tháng 9 hàng năm.

Thuế đối với đất chưa sử dụng (TUL)

TUL được áp dụng trên đất mà ở đó không có xây dựng hoặc xây dựng đã bị bỏ hoang. Thuế chỉ được áp dụng cho các khu vực theo chỉ định của Ủy ban thẩm định đất chưa sử dụng (tạm biệt ULAC). Thuế đối với đất chưa sử dụng được thu

theo tỷ lệ 2% giá trị thị trường của đất theo đánh giá của ULAC. Tờ khai thuế phải được nộp và thuế được trả trước ngày 30 tháng 9 mỗi năm.

Thuế bổ sung đối với phân phối cổ tức (ATDD)

ATDD áp dụng cho phân phối lợi nhuận trước đây không bị đánh thuế ở mức đầy đủ 20% (chẳng hạn như phân phối bởi QIPs). Lợi nhuận nhận ra khi một công ty được miễn TOP không phải chịu ATDD cho đến khi thu nhập giữ lại được phân phối, trong hoặc sau giai đoạn miễn thuế.

1.8 Thuế xuất nhập khẩu

Thuế nhập khẩu được thu trên tất cả các hàng hóa (trừ các loại thuế được miễn thuế cụ thể theo quy định của pháp luật hoặc các cơ quan có liên quan) qua biên giới, với tỷ lệ từ 0% đến 35%. Campuchia là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và áp dụng tỷ lệ quốc gia được ưa chuộng nhất đối với hàng nhập khẩu từ các thành viên WTO khác. Quốc gia này cũng là một phần của Khu vực thương mại tự do ASEAN và áp dụng mức thuế suất được thỏa thuận theo Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN đối với hàng nhập khẩu từ các quốc gia ASEAN khác.

Campuchia đánh thuế xuất khẩu đối với một số mặt hàng như gỗ, cao su, đá quý chưa cắt và một số sản phẩm thủy sản.

1.9 Quản lý thuế

Thuế sáng chế và thuế hàng năm trên thu nhập

Các công ty phải nộp bản khai thuế TOI và bảng sáng chế không quá ba tháng sau mỗi năm. Các doanh nghiệp mới đăng ký phải nộp tờ khai thuế bằng sáng chế trong vòng 15 ngày, sau khi nhận được phê duyệt đăng ký kinh doanh từ Bộ Thương mại.

Khai thuế hàng tháng

Các công ty được yêu cầu nộp tờ khai thuế hàng tháng cho cơ quan thuế hàng tháng.

Hoàn thuế hàng tháng bao gồm:

Hoàn trả thuế thu nhập trước ngày 20 của tháng tiếp theo;

Hoàn lại tiền khấu trừ thuế ngày 20 của tháng tiếp theo (nộp)

Hoàn thuế cho ngày trả lương vào ngày 20 của tháng tiếp theo

Trả lại cho Dịch vụ giá trị gia tăng vào ngày 20 của tháng tiếp theo (ký gửi)

* Thuế cụ thể, AT, PLT, ADDT và các loại thuế khác cũng được bao gồm trong tờ khai này.

1.10 Lỗ thuế

Các công ty được phép thực hiện các khoản lỗ thuế chuyển tiếp trong tối đa năm năm. Thất thu thuế sẽ xuất hiện khi thay đổi quyền sở hữu doanh nghiệp hoặc nếu có thay đổi trong hoạt động kinh doanh. Thất thu thuế cũng sẽ bị mất trong trường hợp người nộp thuế phải chịu sự đánh giá lại đơn phương của GDT.

1.11 Kiểm toán thuế

LOT quy định GDT có trách nhiệm thực hiện kiểm toán các hoạt động của người nộp thuế và đánh giá lại các khoản nợ thuế. Kể từ ngày nộp tờ khai thuế (hàng tháng hoặc hàng năm), GDT có thể tiến hành đánh giá lại trong vòng ba năm. Tuy nhiên, thời gian này được kéo dài đến mười năm nếu có bằng chứng về những vi phạm. Định nghĩa về vi phạm là rất rộng và bao gồm việc không nộp tờ khai thuế trong vòng 30 ngày kể từ ngày đáo hạn. Do đó, thời gian đánh giá lại mười năm có thể được áp dụng trong nhiều trường hợp.

Đầu năm 2016, Ủy ban tranh chấp thuế được thành lập để nghe điều trần, giải thích của người nộp thuế vẫn chưa được giải quyết sau khi trải qua các thủ tục tranh chấp thuế chính thức được liệt kê trong các quy định về thuế.

Chế tài:

Chế tài được áp dụng đối với vi phạm LOT và các quy định liên quan. Mức phạt của tùy thuộc vào bản chất của vi phạm và được xác định như sau:

Trong trường hợp người nộp thuế hoặc đại diện được coi là phạm lỗi bất cẩn (số tiền thuế thiếu hụt phải trả là 10% hoặc ít hơn số tiền thuế phải nộp) thì chế tài phạt tiền mức 10% tiền thuế chưa nộp;

Khi người nộp thuế hoặc đại diện bị coi là sơ suất nghiêm trọng (số tiền thuế thiếu hơn 10% số thuế phải nộp) hoặc người nộp thuế đã không giải quyết các khoản nợ thuế vào ngày đáo hạn, như được nêu trong thông báo thuế về các khoản thanh toán trễ được ban hành bởi GDT, số tiền phạt theo mức phạt sẽ là 25% tiền thuế chưa nộp; và

Khi GDT tiến hành kiểm toán và phát hiện một khoản thuế chưa trả, số tiền phạt theo mức phạt sẽ là 40% số thuế chưa nộp.

Ngoài ra, các hình phạt được áp dụng cho việc nộp thuế chậm và nộp thuế trễ, cùng với lãi suất được tính ở mức 2% mỗi tháng.

1.12 Hiệp định tránh đánh thuế hai lần

Campuchia đã ký Thỏa thuận tránh đánh thuế hai lần (DTA) với Singapore, Trung Quốc, Brunei, Thái Lan và Việt Nam. Bản DTA giữa Campuchia và Singapore, Brunei, Thái Lan đã được phê chuẩn và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2018; giữa Campuchia, Trung Quốc và Việt Nam có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2019.

Các DTA dự kiến sẽ giảm các rào cản về đầu tư và thương mại xuyên biên giới giữa các quốc gia, cùng với việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong tương lai ở Campuchia. Đáng chú ý là việc giảm tỷ lệ WHT tiêu chuẩn cho các khoản thanh toán cho người không cư trú, theo đó, tỷ lệ WHT tiêu chuẩn của Campuchia là 14% đối với các khoản thanh toán lãi, tiền bản quyền, phí dịch vụ và cổ tức được giảm xuống 10% cho những người nộp thuế đủ điều kiện theo DTA.

1.13 Miễn thuế cho nhóm

Không có điều khoản miễn thuế nhóm ở Campuchia.

1.14 Vốn mỏng (Vốn ản) – Thin Capitalization

* Khái niệm này có thể hiểu nôm na là : Vốn mỏng là phần vốn chủ sở hữu ản. Theo cách định nghĩa của Bộ Tài chính Việt Nam thì đây là thuật ngữ đề cập đến các doanh nghiệp có vốn vay vượt quá nhiều lần vốn chủ sở hữu (trong dự thảo luật thuế năm 2015). Đây không phải là một khái niệm kinh tế thuần túy mà liên quan đến hành vi chuyển lợi nhuận và chuyển giá. Các nước thường đưa ra quy định này để tránh tình trạng phần nợ (ẩn dưới danh nghĩa vốn chủ sở hữu) được tài trợ từ các bên có liên quan nhằm mục đích chuyển giá. Theo thông lệ thì phần nợ này phải được xem như vốn cổ phần, phải được ứng xử như cổ tức và phải bị đánh thuế. Đây là vấn đề rất phức tạp, khái niệm này chỉ được các nước Châu Âu – phát triển, chưa được áp dụng tại các nước Đông Nam Á – do phụ thuộc lớn vào hiểu biết chuyên sâu về tài chính của cơ quan thuế và tòa án.

Không có quy định về vốn mỏng (vốn ản) ở Campuchia.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp cần chú ý rằng, Thông tư 151 đặt ra giới hạn cho các khoản khấu trừ lãi suất áp dụng cho mỗi khoản vay đối với hợp đồng của người nộp thuế. Giới hạn khấu trừ lãi suất cho người vay sẽ dựa trên điểm chuẩn mới này:

+ Người nộp thuế vay tiền từ những người không liên quan có thể khấu trừ chi phí lãi suất lên tới 120% lãi suất thị trường được coi là áp dụng tại thời điểm vay.

+ Người nộp thuế vay tiền từ những người liên quan có thể khấu trừ chi phí lãi suất lên tới 100% lãi suất thị trường được coi là áp dụng tại thời điểm vay.

Vào ngày 15 tháng 2 năm 2018, Tổng cục Thuế đã công bố Thông báo 2126, cung cấp tỷ lệ thị trường được coi là để xác định giới hạn khấu trừ lãi suất theo Thông tư 151 đối với các khoản vay đã được sử dụng cho Khmer Riels (KHRR) và Đô la Mỹ (USD) trong năm tài chính 2017.

Tỷ lệ thị trường năm 2017 như sau:

Đề vay bằng USD khấu trừ 9,31%

Cho vay bằng KHR khấu trừ 12,12%

Các giới hạn khấu trừ lãi suất này được áp dụng cho mỗi khoản vay và ngoài giới hạn khấu trừ hàng năm theo Điều 12 của Luật Thuế và Mục 5.9 của Prakas về Thuế lợi nhuận, áp dụng mức khấu trừ lãi hàng năm với tổng số 50% thu nhập ngoài lãi của người nộp thuế và 100% thu nhập lãi cho năm tính thuế hiện hành.

1.15 Quy tắc chuyển giá

Vào ngày 10 tháng 10 năm 2017, Bộ Kinh tế và Tài chính Campuchia đã ban hành Prakas số 986. MEF.P. (Cam Prakas 986) nhằm chống lại việc lạm dụng giá chuyển nhượng và ngăn chặn tổn thất của doanh thu thuế đối với ngân sách nhà nước. Prakas 986 yêu cầu các doanh nghiệp Campuchia tham gia vào các giao dịch của bên liên quan phải tuân thủ các yêu cầu tuân thủ mới:

Một tờ khai chuyển giá hàng năm phải được nộp cùng với tờ khai thuế hàng năm về thu nhập.

Tài liệu chuyển giá hàng năm, sẽ được gửi theo yêu cầu GDT.

Năm phương pháp được Prakas 986 xác nhận để xác định giá giao dịch mua bán ngoài trong một giao dịch của bên liên quan (chuyển giá nội bộ) tuân thủ các thông số do Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế đặt ra.

1.16 Ủy ban tranh chấp thuế

Vào tháng 1 năm 2016, Nghị định phụ số 03 đã được ban hành, qua đó cho phép thành lập Ủy ban Trọng tài Thuế (CTA). Chức năng CTA là xem xét, giải quyết và đưa ra quyết định liên quan đến tranh chấp về thuế và hải quan. Cơ quan CTA bao gồm:

+ Bộ trưởng Bộ Kinh tế và Tài chính làm Chủ tịch;

+ Quốc vụ khanh của Bộ Kinh tế và Tài chính làm Phó Chủ tịch; và

+ Đại diện Hội đồng Kế toán Quốc gia, Tổng cục trưởng của Tổng cục Chính sách Kinh tế và Tài chính công, và Tổng cục trưởng của Tổng cục Kiểm toán nội bộ với tư cách là Thành viên.

Việc thành lập CTA tạo cơ hội cho người nộp thuế kháng cáo các quyết định của GDT trong quá trình tranh chấp thuế. Nếu người nộp thuế không đồng ý với những phát hiện của CTA, họ có quyền kháng cáo lên Tòa án ở Campuchia trong vòng 30 ngày làm việc sau quyết định.

IV/ CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN NGOẠI THƯƠNG VÀ HẢI QUAN

1.1. Quan hệ thương mại của Campuchia

Từ năm 1993, Campuchia đã được hưởng lợi từ sự gia tăng đáng kể trong thương mại quốc tế và hiện là thành viên của một số hiệp định thương mại. Có lẽ quan trọng nhất trong số này là tư cách thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), mà Campuchia đã tham gia vào năm 2004 và 1999. Việc tham gia hai tổ chức này đã dẫn đến việc cắt giảm quan trọng và sẽ tạo điều kiện cho tự do hóa thương mại hơn nữa trong khu vực và quốc tế.

Ngoài AFTA, Campuchia cũng được hưởng các ưu đãi thuế quan thuế được cấp theo các Hiệp định thương mại tự do (FTAs,) mà ASEAN đã ký kết với Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Trung Quốc, Úc và New Zealand.

Hiệp định thương mại tự do ASEAN-Úc-New Zealand (AANZFTA) đã được ký kết vào ngày 27 tháng 2 năm 2009 và Chính phủ đã thông qua Hiệp định thiết lập Khu vực thương mại tự do ASEAN-Úc-New Zealand, nhằm mục đích tự do hóa dần dần và tạo thuận lợi cho thương mại hàng hóa giữa các bên thông qua việc loại bỏ dần các rào cản thuế quan và phi thuế quan, cũng như giải phóng thương mại dịch vụ giữa các bên trên nhiều lĩnh vực. Liên quan đến thỏa thuận này, lịch trình giảm và xóa bỏ thuế nhập khẩu của Campuchia trong giai đoạn 2009-2025 đã được ban hành.

Đối với thương mại hàng hóa, AANZFTA quy định giảm thuế suất so với MFN, nhưng không được thuận lợi như AFTA. Nhập khẩu từ Úc và New Zealand theo AANZFTA sẽ được miễn thuế vào năm 2025. Hàng xuất khẩu của Campuchia

sang Úc và New Zealand có thể được miễn thuế và hạn ngạch. Một lợi ích chính của AANZFTA, cũng như các FTA khác, là quy định về nguồn gốc xuất xứ cơ sở của sản phẩm sản xuất.

Hiệp định thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc (ACFTA) là FTA bao gồm dân số lớn nhất thế giới. FTA này bao gồm một nhóm toàn diện các thỏa thuận về hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ và giải quyết tranh chấp. ACFTA đã được Campuchia phê chuẩn vào ngày 6 tháng 2 năm 2008.

Năm 2015 theo ACFTA, Campuchia đã giảm thuế hải quan đối với hàng hóa từ Trung Quốc trong phạm vi từ 0 đến 5%. Các mức thuế suất này theo lộ trình sẽ được giảm xuống 0% không muộn hơn ngày 1 tháng 1 năm 2020.

Hiệp định thương mại tự do ASEAN-Hàn Quốc (AKAA) đã được ký kết vào ngày 1 tháng 5 năm 2006 như một thỏa thuận chủ yếu về hàng hóa nhưng sau đó đã được gia hạn với các thỏa thuận về dịch vụ và đầu tư (ngày 1 tháng 5 năm 2009). Campuchia đã phê chuẩn AKFTA vào ngày 6 tháng 2 năm 2008.

Đối với Campuchia, tất cả các dòng thuế đối với các sản phẩm được liệt kê trong Biểu thuế thông thường sẽ được loại bỏ trước ngày 1 tháng 1 năm 2018.

Hiệp định thương mại tự do ASEAN-Ấn Độ (AIFTA) đã được ký kết vào ngày 13 tháng 8 năm 2009, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 sau khi được Ấn Độ và một quốc gia ASEAN phê chuẩn.

Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN-Nhật Bản (AJCEP,) có hiệu lực từ ngày 1 tháng 12 năm 2008. Campuchia phê chuẩn từ ngày 1 tháng 12 năm 2009. AJCEP cũng quy định các quy tắc về các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch thực vật, chủ yếu là để thúc đẩy đầu tư và các vấn đề khác.

Quy tắc xuất xứ quy định 40% hàm lượng giá trị khu vực (RVC) hoặc chuyển đổi mã số hàng hóa (CTC), tùy theo nhà nhập khẩu chọn. Có một quy tắc đặc biệt đáng chú ý đối với các sản phẩm Công nghệ thông tin, lắp ráp tại một trong các tiểu bang của khu vực có nguồn gốc rõ ràng thì không cần đề cập đến CTC hoặc RVC, nhưng có một số trường hợp ngoại lệ.

Là một quốc gia đang phát triển, Campuchia cũng được hưởng lợi từ việc tiếp cận ưu đãi vào thị trường của các nước phát triển. Ví dụ như quy chế ưu đãi thuế quan phổ cập của Mỹ (GSP), Chương trình ưu đãi thuế quan EBA của Liên minh châu Âu (EU)... Campuchia cũng được hưởng các đặc quyền theo các chương trình ưu đãi của Hoa Kỳ và Nhật Bản.

Tuy nhiên, để các sản phẩm được hưởng ưu đãi EBA, thì sản phẩm phải đáp ứng yêu cầu Quy tắc xuất xứ (ROO), trong đó, ít nhất 40% hàng hóa phải có nguồn gốc từ Campuchia. Tuy nhiên, EU đưa ra miễn trừ đặc biệt cho phép một số sản phẩm dệt may của Campuchia có nguồn gốc tích lũy với các nước ASEAN hoặc EU. Tương tự, đối với xuất khẩu từ Campuchia sang Mỹ, để hưởng lợi từ GSP, yêu cầu ROO là 35%, tuy nhiên Campuchia cũng được hưởng ưu đãi đặc biệt với quy định về nguồn gốc tích lũy.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Campuchia bao gồm hàng may mặc, cao su và gỗ với hầu hết hàng hóa đều được xuất khẩu sang Mỹ và EU. Campuchia

nhập khẩu chủ yếu các mặt hàng như dầu khí, vật liệu xây dựng, xe cộ và xe máy. Các đối tác thương mại lớn bao gồm Thái Lan, Hồng Kông, Singapore và Trung Quốc, Việt Nam.

1.2. Chế độ hải quan trong nước Campuchia

Luật mới về hải quan của Campuchia có hiệu lực vào tháng 7 năm 2007, quy định việc đánh giá và thu thuế, phí đối với hàng hóa xuất nhập khẩu cũng như kiểm soát và điều chỉnh việc di chuyển, lưu trữ và vận chuyển hàng hóa đó.

Luật Hải quan quy định rằng một số hàng hóa được miễn hoàn toàn thuế nhập khẩu và thuế. Bao gồm:

- + Hàng hóa tạm nhập vào Campuchia (tức là để quá cảnh hoặc chuyển hàng);
- + Hàng hóa được sử dụng cho hoặc bởi, các cơ quan ngoại giao hoặc lãnh sự nước ngoài, các tổ chức quốc tế và các cơ quan hợp tác kỹ thuật của các Chính phủ khác để sử dụng trong việc thực hiện các chức năng chính của họ;
- + Hàng hóa cho sử dụng cá nhân của nhân viên chính thức của các nhiệm vụ và tổ chức đó;
- + Hàng hóa có nguồn gốc từ Campuchia hoặc trở về từ nước ngoài đã nộp thuế và thuế trước đó (với điều kiện là chúng chưa được nâng cao về giá trị);
- + Hàng hóa được miễn theo quy định của bất kỳ luật nào khác của Campuchia; và
- + Vật phẩm quyên góp cho từ thiện, hàng hóa cho mục đích nghiên cứu và khoa học và các mẫu và hàng hóa không có giá trị thương mại để triển lãm.

Một số hàng hóa và vật liệu khác có thể được miễn hoặc giảm một phần thuế nhập khẩu trong trường hợp này được quy định cụ thể bởi bất kỳ luật nào khác của Campuchia. Ngoài ra, miễn trừ một phần có thể được cấp đối với:

- + Hạt giống và vật nuôi cho nông nghiệp;
- + Hàng hóa dự kiến sẽ trải qua sửa chữa, xử lý hoặc thử nghiệm;
- + Hàng hóa tái nhập trong cùng một trạng thái;
- + Hàng hóa nhập khẩu của Chính phủ cho mục đích công cộng; và
- + Hàng hóa nhập khẩu miễn thuế tạm thời.

Đối với hàng hóa không thể được miễn thuế toàn bộ hoặc một phần thuế nhập khẩu, thuế này được đánh thuế ở mức 7%, 15% hoặc 35%, như được liệt kê trong danh sách biểu thuế Hải quan 2012.

1.3 Thủ tục thông quan

Hàng hóa nhập khẩu phải được khai báo cho cơ quan hải quan hoặc địa điểm khác theo quyết định của Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan (GDCE). Những người hoặc tổ chức tham gia nhập khẩu hoặc xuất khẩu hàng hóa thương mại hoặc phải đảm bảo lưu giữ chứng từ chính xác, bao gồm cả việc nộp thuế hải quan và thuế (theo những gì đã khai báo với hải quan), sổ sách kế toán, hồ sơ và thông tin khác liên quan đến nhập hoặc xuất, bao gồm thông tin có ở định dạng điện tử.

Những người khai báo hàng hóa cho hải quan có nghĩa vụ trả lời trung thực bất kỳ câu hỏi nào của hải quan đối với hàng hóa và khi hải quan yêu cầu, cung cấp hàng hóa để hải quan kiểm tra theo yêu cầu của trưởng bộ phận hải quan.

Ngoài ra, có một số hàng hóa nhất định, được liệt kê trong Nghị định 209 (liên quan đến việc đưa vào sử dụng hàng cấm và hạn chế, ngày 31 tháng 12 năm 2007), trong đó việc nhập khẩu hoặc xuất khẩu cần phải có giấy phép, hoặc thư thẩm quyền tương đương từ Bộ hoặc đơn vị chuyên môn có thẩm quyền.

1.4. Tính giá thuế hải quan

Điều 21 của Luật Hải quan quy định thủ tục xác định giá trị hàng hóa nhập khẩu cho mục đích tính thuế hải quan. Một số phương pháp được nêu chi tiết, sẽ được áp dụng theo thứ tự do Hiệp định về tính giá thuế hải quan (CVA) của WTO quy định.

Do đó, lý tưởng nhất là giá trị hải quan của hàng hóa nhập khẩu sẽ là giá trị giao dịch (TV), đây là giá thực tế phải trả hoặc phải trả cho hàng hóa khi bán để xuất khẩu sang Campuchia. Tuy nhiên, nếu giá trị giao dịch của hàng hóa nhập khẩu không thể được xác định, thì giá trị hải quan trước hết sẽ là giá trị giao dịch của hàng hóa giống hệt nhau và nếu phương thức này cũng không khả thi, và thứ hai là giá trị giao dịch của hàng hóa tương tự.

Nếu không có phương pháp nào trong ba phương pháp dự tính ở trên là có thể, thì giá trị hải quan của hàng hóa nhập khẩu sẽ dựa trên một phương pháp khấu trừ (tức là về giá bán tại nước nhập khẩu). Nếu điều này cũng không khả thi, thì phương pháp tính toán được sử dụng (nghĩa là dựa trên chi phí nguyên vật liệu, chế tạo và lợi nhuận ở nước sản xuất). Theo Hiệp định về tính giá thuế hải quan WTO cho phép, thứ tự áp dụng hai phương pháp này có thể được đảo ngược theo yêu cầu của nhà nhập khẩu.

Cuối cùng, trong trường hợp thất bại, giá trị hải quan được xác định bằng cách sử dụng các phương tiện hợp lý phù hợp với các nguyên tắc và quy định được đề cập ở nơi khác trong Điều 21 của Luật Hải quan và về cơ sở dữ liệu có sẵn trong hải quan, chịu những hạn chế nhất định. Điều 21 cũng quy định rõ rằng tất cả các vấn đề liên quan đến việc xác định giá trị hải quan sẽ được quy định cuối cùng bởi một Prakas của MEF.

1.5. Kho ngoại quan

Kho ngoại quan hải quan (CBW) là một tòa nhà, địa điểm hoặc khu vực được sử dụng để lưu trữ, xử lý, trưng bày hoặc cung cấp cho việc bán hàng hóa mà thuế nhập khẩu bị hoãn hoặc cho các mục đích liên quan khác chịu sự kiểm soát của hải quan. Để đủ điều kiện, một CBW phải đáp ứng các yêu cầu nhất định được thiết lập bởi GDCE của MEF.

1.6. Ưu đãi thuế cho doanh nghiệp và chủ hàng

Hàng hóa có thể được lưu trữ trong một CBW trong tối đa hai năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan. Như một ngoại lệ, thời hạn có thể được GDCE kéo dài tới 12 tháng theo yêu cầu của nhà điều hành CBW với điều kiện hàng hóa ở trong tình trạng tốt.

Có ba loại CBW:

+ Kho công cộng, được MEF cấp phép, có thể được vận hành bởi một cơ quan của Chính phủ hoặc bởi bất kỳ người nào và mở cửa cho bất kỳ người nào có quyền lưu trữ hàng hóa trong kho;

+ Kho tư nhân, được giám đốc của GDCE cấp phép và chỉ được sử dụng bởi những người được chỉ định để lưu trữ hàng hóa cho mục đích sử dụng cụ thể của họ; và

+ Kho đặc biệt, được giám đốc của GDCE cấp phép, là một loại kho dành cho hàng hóa có thể gây nguy hiểm hoặc có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các hàng hóa khác hoặc có thể yêu cầu các cơ sở lưu trữ đặc biệt.

Mỗi giấy phép CBW sẽ xác định các điều kiện cho chủ sở hữu và nhà khai thác, bao gồm vị trí, xây dựng và bố trí mặt bằng và thủ tục kiểm soát và xử lý hàng hóa. Trong một số trường hợp nhất định, MEF có thể ủy quyền cho việc thành lập kho ngoại quan sản xuất hải quan (CMBWs), đây là một loại nhà máy được sử dụng để chế biến và sản xuất hàng hóa trong CBW. Hàng hóa được xử lý và / hoặc sản xuất trong CMBW có thể được xuất khẩu và / hoặc dùng cho thị trường nội địa.

1.7. Phí giấy phép và tiền gửi bảo lãnh

Vào cuối năm dương lịch, một nhà điều hành CBW phải trả phí giấy phép hàng năm theo tỷ lệ một phần trăm thuế và thuế trung bình hàng tháng của hàng hóa được lưu trữ trong CBW. Nếu giấy phép được cấp sau ngày 1 tháng 7, phí giấy phép hàng năm đầu tiên sẽ là 50% của một phần trăm thuế và thuế trung bình hàng tháng của hàng hóa.

Các nhà khai thác CBW cũng được yêu cầu phải trả một khoản tiền gửi được bảo đảm bằng 5 % thuế và thuế hàng năm áp dụng cho hàng hóa được lưu trữ trong CBW. Đối với năm đầu tiên hoạt động, số tiền gửi được đảm bảo sẽ được xác định bởi giám đốc của GDCE. Cơ quan hải quan có quyền điều chỉnh số tiền gửi được đảm bảo nếu cần thiết, có thể được trả bằng tiền mặt hoặc các công cụ khác.

1.8. Chế tài

Luật Hải quan đưa ra một chế độ xử phạt sẽ được áp dụng cho bất kỳ người nào thực hiện thủ tục hải quan. Cụ thể:

+ Bất kỳ người nào vi phạm nhỏ (bao gồm cả những điểm không chính xác và thiếu sót khi hoàn thành các tuyên bố) không có tác động đến thuế hoặc thuế đều phải chịu phạt hành chính từ 100.000 KHR (khoảng 25 USD) đến 500.000 KHR (khoảng 125 USD);

+ Bất kỳ người nào vi phạm các điều khoản liên quan đến trốn thuế hoặc thuế mà hàng hóa không bị cấm hoặc hạn chế, sẽ bị phạt hành chính từ một đến ba lần thuế và trốn thuế, và bị phạt hình sự tư pháp về tịch thu hàng hóa hoặc phạt tù từ một tháng đến một năm;

+ Bất kỳ người nào cản trở nhân viên hải quan làm việc đều phải chịu phạt hành chính KHR 1 triệu (khoảng 250 USD) đến 5 triệu KHR (khoảng 1.250 USD) hoặc hình phạt tư pháp bị phạt tù từ một đến sáu tháng hoặc cả hai; và

+ Khi vi phạm liên quan đến hàng hóa bị cấm hoặc hạn chế theo quy định của Điều 8 của LOT, người cuối cùng sẽ bị phạt hành chính tới ba lần giá trị của hàng hóa hoặc vận chuyển và những thứ khác được sử dụng để che giấu hàng hóa nhập lậu hoặc phạt tù từ một đến năm năm hoặc cả hai.

V/ CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

Luật Lao động năm 1997 (Luật Lao động) là luật chính điều chỉnh mọi hoạt động việc làm ở Campuchia, được thi hành và thực hiện bởi Bộ Lao động và Dạy nghề (MLVT). Trong MLVT có Sở Lao động và Dạy nghề (DLVT) ở Phnôm Pênh và mỗi tỉnh. Việc xác định liệu một doanh nghiệp mới thuộc thẩm quyền của MLVT hay DLVT phụ thuộc vào khu vực và địa điểm đặt trụ sở kinh doanh của doanh nghiệp. Mỗi và mọi doanh nghiệp mới thành lập ở Phnôm Pênh, tham gia vào chín lĩnh vực được liệt kê sẽ thuộc thẩm quyền của MLVT. Chín lĩnh vực là: Sản xuất hàng dệt may, giày dép; Công nghiệp; offshore recruitment; NGO; Xây dựng; Khách sạn; Ngân hàng; Hàng không; và Hàng hải.

Tất cả các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền của DLVT. Đối với các doanh nghiệp ở ngoài Phnôm Pênh, cơ quan lao động có trách nhiệm là DLVT của tỉnh tương ứng nơi đặt doanh nghiệp. Luật Lao động đã thay thế Luật Lao động năm 1992 và cùng với Luật Công đoàn năm 2016, giúp củng cố quyền thương lượng tập thể, thành lập công đoàn và đình công, cho phép luật này đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế nhất định. Bằng cách đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, những thay đổi trong Luật Lao động cũng đáp ứng các yêu cầu của Hoa Kỳ để được hưởng ưu đãi trong quy chế tối huệ quốc (MFN) và hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP).

Các công ty nước ngoài có quyền tiếp cận (thuê) không hạn chế lực lượng lao động Campuchia. Tuy nhiên, một số hạn chế nhất định tồn tại đối với việc sử dụng lao động nước ngoài. MLVT và Bộ Nội vụ (MOI) gần đây đã thực thi nghiêm ngặt hơn các quy định liên quan đến việc làm của công dân nước ngoài tại Campuchia, trong đó, đã ban hành Liên doanh Prakas 719 về Thanh tra lực lượng lao động nước ngoài tại Vương quốc Campuchia vào ngày 19 tháng 2 năm 2018, để kiểm tra các chủ doanh nghiệp, cơ sở, sòng bạc và câu lạc bộ giải trí cũng như các công dân nước ngoài và các nhà đầu tư đến làm ăn/làm việc tại Campuchia trong việc xin quota cho số nhân viên người nước ngoài và giấy phép làm việc. Chỉ có đoàn kiểm tra bao gồm các quan chức của MLVT và MOI mới được phân công nhiệm vụ tiến hành kiểm tra lực lượng lao động nước ngoài tại các doanh nghiệp, cơ sở, sòng bạc và câu lạc bộ giải trí. Việc không tuân thủ các yêu cầu về hạn ngạch và giấy phép lao động nước ngoài có thể bị phạt tiền cho mỗi lần vi phạm lên tới 630 USD bởi MLVT và/hoặc lên tới 900 USD bởi tòa án. Hơn nữa, Chương 5 và 6 của Luật Di trú quy định thời hạn tù lên đến ba tháng và/hoặc lệnh trục xuất có thể được ban hành cho các nhân viên nước ngoài liên quan.

1.1. Nhân viên địa phương

Các doanh nghiệp được yêu cầu đăng ký thẻ việc làm cùng với thẻ nhận dạng việc làm cho mỗi nhân viên địa phương. Thẻ việc làm cho nhân viên địa phương chỉ được cấp một lần khi bắt đầu việc làm của họ tại một doanh nghiệp. Một nhân viên địa phương được yêu cầu thực hiện kiểm tra sức khỏe và lấy giấy chứng nhận sức

khỏe từ Phòng Y tế Lao động của MLVT một lần khi bắt đầu việc làm của họ tại một doanh nghiệp mới.

1.2. Nhân viên nước ngoài

Luật Lao động quy định chỉ người nước ngoài đáp ứng các điều kiện sau đây có thể được phép làm việc tại Campuchia: Có giấy phép làm việc do MLVT cấp; đã vào Campuchia hợp pháp; có quyền cư trú tại Campuchia; có hộ chiếu hợp lệ; có hành vi tốt; có trình độ, thể chất cho công việc; và không có bệnh truyền nhiễm.

Các doanh nghiệp sử dụng hoặc có ý định sử dụng nhân viên nước ngoài được yêu cầu đăng ký quota thông qua hệ thống trực tuyến của MLVT. Theo quy định, tối đa 10% lực lượng lao động của người lao động có thể là người nước ngoài, trong đó: nhân viên văn phòng (3%); lao động có tay nghề (6%); và lao động phổ thông (1%). Hạn ngạch này có thể được tăng lên, theo quyết định của MLVT, nếu doanh nghiệp yêu cầu nhân viên có các kỹ năng cụ thể hiện không có sẵn ở Campuchia. Đơn xin cấp quota phải được nộp trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

Sau khi có được phê duyệt hạn ngạch, các doanh nghiệp bắt buộc phải xin giấy phép làm việc cho mỗi nhân viên nước ngoài thông qua hệ thống trực tuyến MLVT. Bất kể khi nào giấy phép lao động được cấp bởi MLVT/DLVT chỉ có hiệu lực trong một năm, có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 trong năm cấp. Giấy phép làm việc cho người nước ngoài phải được gia hạn hàng năm. Để gia hạn giấy phép lao động, cả người sử dụng lao động và mỗi nhân viên nước ngoài phải nộp đơn xin gia hạn thông qua hệ thống trực tuyến MLVT trước ngày 31 tháng 3 mỗi năm.

Người sử dụng lao động phải nộp các tài liệu cần thiết (bao gồm cả hợp đồng lao động bằng văn bản và giấy phép làm việc) để MOI cấp thị thực dài hạn (Thị thực loại E thông thường hoặc thường được gọi là Thị thực kinh doanh) cho người lao động nước ngoài. Không có giới hạn trong việc bổ nhiệm lao động nước ngoài vào các vị trí cấp cao hơn.

1.3 Yêu cầu báo cáo

Theo Luật Lao động, doanh nghiệp phải nộp tờ khai mở với MLVT / DLVT trước khi bắt đầu hoạt động. Một ngoại lệ áp dụng cho các doanh nghiệp sử dụng ít hơn tám nhân viên không sử dụng máy móc, theo đó một doanh nghiệp có thể gửi tờ khai với MLVT / DLVT trong vòng 30 ngày sau khi bắt đầu hoạt động. Luật Lao động không có hướng dẫn về nội hàm cấu thành khái niệm 'bắt đầu hoạt động', tuy nhiên, theo thông lệ, MLVT hoặc DLVT thường yêu cầu đăng ký khi nhận được giấy chứng nhận thuế bằng sáng chế, được cấp khi hoàn thành đăng ký doanh nghiệp với Tổng cục Thuế.

Cùng với tuyên bố đưa doanh nghiệp vào hoạt động, người sử dụng lao động cũng được yêu cầu nộp cho MLVT / DLVT một tờ khai của nhân viên, sổ thành lập và sổ biên chế. Với sự chấp thuận của thanh tra lao động, doanh nghiệp có thể quyết định xây dựng sổ biên chế thông qua một phương pháp khác (bao gồm cả phương tiện điện tử) miễn là chứa thông tin cơ bản giống như được mô tả trong MLVT Prakas có liên quan.

Khi tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng với nhân viên, các doanh nghiệp được yêu cầu nộp tờ khai về việc điều động nhân viên với MLVT / DLVT trong vòng 15 ngày theo lịch sau ngày thuê hoặc chấm dứt hợp đồng. Đối với một nhân viên Campuchia, doanh nghiệp được yêu cầu ghi lại ngày bắt đầu làm việc và nghỉ việc của nhân viên trong thẻ nhân viên, và nhận được một con tem từ MLVT / DLVT trong vòng bảy ngày kể từ ngày bắt đầu hoặc kết thúc làm việc của nhân viên. Đối với một nhân viên nước ngoài, doanh nghiệp bắt buộc phải đăng ký đưa nhân viên ra khỏi hệ thống trực tuyến MLVT. Sau khi phê duyệt MLVT / DLVT, doanh nghiệp phải duy trì các tài liệu này tại nơi kinh doanh để thanh tra lao động kiểm tra.

Các doanh nghiệp sử dụng tám nhân viên trở lên phải tổ chức bầu người trưởng quản lý (tức là đại diện nhân viên) và gửi biên bản cuộc họp bầu cho MLV /DLVT trong vòng tám ngày sau ngày bầu quản lý. Các yêu cầu đối với số lượng nhân viên của hàng sẽ thay đổi tùy theo số lượng nhân viên chính xác trong doanh nghiệp. Thủ tục bầu quản lý phù hợp với Luật Lao động và Luật Công đoàn.

Ngoài ra, mỗi doanh nghiệp có tám nhân viên trở lên phải thiết lập các quy tắc làm việc nội bộ, giải quyết các vấn đề như thủ tục nộp đơn, thông tin lương, chính sách nghỉ phép, các vấn đề kỷ luật và tương tự. Các quy tắc nội bộ này phải được tham khảo ý kiến của trưởng quản lý và được thanh tra lao động phê duyệt. Việc áp dụng các quy tắc nội bộ là một thủ tục quan trọng vì cho phép người sử dụng lao động điều chỉnh việc đình chỉ và chấm dứt hợp đồng, điều này không thể được thực hiện bằng hợp đồng lao động.

Hơn nữa, tất cả các doanh nghiệp sử dụng hơn 60 nhân viên phải đào tạo người học việc dựa trên chỉ tiêu theo tỷ lệ thuận với tổng lực lượng lao động của doanh nghiệp: 10% cho các doanh nghiệp sử dụng từ 61 đến 200 nhân viên; 8% cho các doanh nghiệp sử dụng từ 201 đến 500 nhân viên; và Thêm 4% cho mỗi 500 nhân viên tại các doanh nghiệp sử dụng hơn 501 nhân viên, với điều kiện tối đa 110 người học việc có thể được đào tạo bởi một doanh nghiệp trong một năm.

MLVT đã đưa ra một thông báo vào tháng 11 năm 2015 để nhắc nhở tất cả các doanh nghiệp sử dụng hơn 60 nhân viên thực hiện đào tạo người học việc hàng năm với tỷ lệ phần trăm trên

1.4 Hợp đồng lao động

Ở Campuchia, việc làm thường được điều chỉnh bởi một hợp đồng, mặc dù trong một số trường hợp, thư cam kết có thể được sử dụng thay thế. Cả hợp đồng lao động bằng văn bản và bằng miệng đều có hiệu lực theo luật Campuchia. Mặc dù, Luật Lao động không quy định rõ ràng hợp đồng lao động hoặc các điều khoản cần thiết, ngoài đề cập đến định nghĩa hợp đồng lao động là một hợp đồng tạo ra quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động. Tuy nhiên, theo Bộ luật Dân sự, bắt đầu có hiệu lực vào ngày 21 tháng 12 năm 2011, thì quy định người sử dụng lao động sẽ chỉ định các điều kiện cụ thể về tiền lương, giờ làm việc và điều kiện cho người lao động khi ký kết hợp đồng lao động. Trong trường hợp thực hiện vi phạm với các điều kiện được nêu trong hợp đồng, một nhân viên có thể chấm dứt hợp đồng lao động ngay lập tức.

Theo Luật Lao động, các hợp đồng có thể có thời hạn không giới hạn (UDC) hoặc thời hạn cố định (FDC). FDC phải ghi rõ bằng văn bản khi hợp đồng kết thúc, hoặc được xác định lại là UDC. Tương tự, một FDC có thể không dài hơn hai năm. Tuy nhiên, một UDC có thể được thực hiện bằng lời nói hoặc bằng văn bản không có ngày kết thúc và có hoặc không có ngày bắt đầu rõ ràng. Không có giới hạn về thời lượng cho một UDC. Có thể nhân viên mới trải qua thời gian thử việc, mặc dù điều này không thể vượt quá một tháng đối với lao động không chuyên, hai tháng đối với lao động chuyên ngành và ba tháng đối với lao động phổ thông.

Một UDC có thể bị chấm dứt bởi một trong hai bên nếu có thông báo chính xác, theo một số trường hợp ngoại lệ được nêu chi tiết trong Luật Lao động. Người sử dụng lao động phải có lý do hợp lý để chấm dứt hợp đồng. Luật Lao động đặt ra các yêu cầu thông báo khác nhau dựa trên thời gian làm việc, từ bảy ngày đến ba tháng. Một nhân viên bị chấm dứt mà không cần thông báo trước được hưởng bồi thường bằng với tiền lương và lợi ích mà người đó sẽ nhận được trong thời gian thông báo theo quy định của pháp luật.

Một nhân viên bị sa thải có quyền nhận trợ cấp thôi việc từ bảy ngày đến sáu tháng lương, tùy thuộc vào thời gian phục vụ với chủ lao động, trừ khi nhân viên đó có hành vi sai trái nghiêm trọng, hoặc hợp đồng lao động hoặc nội quy cho phép sa thải. Theo FDC, nhân viên được hưởng trợ cấp thôi việc ít nhất 5% tổng số tiền lương được trả trong hợp đồng. Người lao động cũng có thể được bồi thường thêm cho việc chấm dứt bất hợp lý (có lỗi sai), nếu được quyết định bởi tòa án.

Tạm nghỉ việc tập thể được cho phép do giảm kinh doanh hoặc tổ chức lại nội bộ. Thanh tra lao động phải được tư vấn về các thủ tục tập thể và các tiêu chí được sử dụng. Luật Lao động quy định điều kiện mà người nhân công có thể tạm nghỉ việc.

Cuối cùng, một nhân viên phải được cấp giấy chứng nhận việc làm khi chấm dứt mô tả bản chất của công việc được thực hiện.

1.5 Luật Công đoàn

Luật Công đoàn ngày 17 tháng 5 năm 2016 được thông qua với mục đích:

+ Cung cấp quyền và tự do cho các doanh nghiệp, cơ sở và người chịu sự điều chỉnh của các quy định của Luật Lao động và những người phục vụ trong vận tải hàng không và hàng hải; và

+ Tổ chức hoạt động của các tổ chức chuyên nghiệp của nhân viên và người sử dụng lao động. Luật này bao gồm các điều khoản liên quan đến việc thành lập, vận hành, giải thể, quyền và nghĩa vụ và giải quyết tranh chấp liên quan đến các tổ chức nghề nghiệp của người lao động và người sử dụng lao động. Luật này cũng đề cập đến các điều khoản liên quan đến trường quản lý, công đoàn nhân viên với tư cách đại diện nhất, thủ tục chấm dứt nhân viên được bảo vệ đặc biệt và đàm phán thỏa thuận thương lượng tập thể (CBA).

+ Luật Công đoàn giới thiệu những thay đổi quan trọng liên quan đến tư cách của nhân viên để trở thành đại diện khi so sánh với Luật Lao động. Theo Luật Công đoàn, một nhân viên 18 tuổi, có thâm niên làm việc ba tháng và có thể đọc và viết

tiếng Khmer (trình độ bổ sung) đủ điều kiện để tìm kiếm một vị trí quản lý cửa hàng. Người quản lý cửa hàng có thể được bầu trong số các ứng cử viên được đề cử bởi một công đoàn địa phương hoặc trong số các nhân viên, trong khi không phải là thành viên của một hiệp hội địa phương, tình nguyện trở thành ứng cử viên. Thực tế, điều này đòi hỏi rằng bất kỳ doanh nghiệp nào sử dụng tám nhân viên trở lên bây giờ phải sắp xếp cho một cuộc bầu cử quản lý cửa hàng sau khi doanh nghiệp đã hoạt động được ba tháng.

+ Ngoài ra, Luật Công đoàn quy định rằng một tổ chức công đoàn có ba cấp độ (công đoàn địa phương, liên đoàn công đoàn và một liên minh công đoàn), trong khi hiệp hội sử dụng lao động có hai cấp độ (hiệp hội sử dụng lao động và liên đoàn chủ doanh nghiệp). Ngưỡng thành lập công đoàn là ít nhất mười nhân viên cho một công đoàn địa phương ở cấp doanh nghiệp. Nhân viên có thể là thành viên của một công đoàn tại một thời điểm. Việc đăng ký của các hiệp hội và hiệp hội này thuộc thẩm quyền của MLVT. Một trong những yêu cầu quan trọng để đăng ký là thông tin tài khoản ngân hàng của công đoàn lao động hoặc Hiệp hội các nhà sử dụng lao động là phải được gửi cho MLVT trong vòng 45 ngày sau ngày đăng ký.

Luật này yêu cầu đại diện của các công đoàn địa phương được sự chấp thuận từ người sử dụng lao động trước khi vào doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ công đoàn của họ. Người sử dụng lao động không được từ chối phê duyệt trừ khi sự phê duyệt đó có thể cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp. Quản lý công đoàn và quản trị viên bị miễn nhiệm hợp lệ tiếp tục có quyền vào doanh nghiệp tạm thời, giới hạn trong 60 ngày kể từ ngày sa thải. Quyền sau khi sa thải này không được áp dụng trong trường hợp sa thải đối với hành vi sai trái nghiêm trọng.

Cơ chế và thủ tục bảo vệ đặc biệt chống chấm dứt theo Luật Lao động và các quy định có liên quan được đưa vào Luật Công đoàn, để các ứng cử viên quản lý cửa hàng, quản lý cửa hàng bầu cử, ứng cử viên lãnh đạo công đoàn và lãnh đạo công đoàn được bầu có quyền bảo vệ chống chấm dứt việc làm. Các công đoàn địa phương hiện đang được yêu cầu, ngoài việc gửi danh sách các cá nhân có quyền được bảo vệ đặc biệt cho người sử dụng lao động, để nộp cùng một danh sách với MLVT.

Luật này cũng đề cập đến các nghĩa vụ bổ sung đối với người sử dụng lao động như: nghĩa vụ duy trì và cập nhật danh sách nhân viên hàng tháng liên quan đến tên nhân viên, tình trạng hợp đồng lao động, và mức độ tuyển dụng, để xem xét ngay lập tức trong trường hợp công đoàn yêu cầu chứng nhận trạng thái đại diện nhất, và để duy trì tất cả các hồ sơ liên quan đến việc khấu trừ tiền lương của nhân viên để trả phí đóng góp công đoàn, hoặc phí đại lý dịch vụ.

Việc không tuân thủ Luật Công đoàn sẽ dẫn đến các cảnh báo bằng văn bản hoặc tiền phạt từ 5 triệu KHR (khoảng 1.250 USD) đến 10 triệu KHR (khoảng 2.500 USD). Chẳng hạn, người sử dụng lao động bị cấm trừ dập những người tố giác, người báo cáo hoặc cung cấp lời khai về việc tuân thủ quy định về Lao động của doanh nghiệp. Vi phạm này có thể bị phạt tiền tới 5 triệu KHR (khoảng 1.250 USD).

1.6. Tiền lương

Không có mức lương tối thiểu nào được thiết lập theo luật ngoại trừ trong các ngành sản xuất hàng may mặc, dệt may và giày dép, trong đó mức lương tối thiểu cho nhân viên thủ việc là 165 USD mỗi tháng và đối với nhân viên thường xuyên là 170 USD mỗi tháng, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2018. Mức lương tối thiểu có thể thay đổi hàng năm theo quy định Lao động do MLVT ban hành. Công nhân trong các ngành dệt may, may mặc và sản xuất giày dép cũng chỉ được hưởng các lợi ích bắt buộc khác chỉ dành riêng cho các lĩnh vực này, chẳng hạn như tiền thưởng tham dự, tiền thưởng thâm niên, phụ cấp đi lại và ăn ở, và phụ cấp ăn ngoài giờ. Khác với các lĩnh vực được đề cập ở trên, hiện tại Campuchia không có mức lương tối thiểu bắt buộc, mặc dù luật về mức lương tối thiểu cho các ngành khác đang trong quá trình soạn thảo.

Đối với tất cả những người sử dụng lao động khác, tiền lương phải đủ để đảm bảo cho một tiêu chuẩn sống tương đối phù hợp với phẩm giá con người (nhưng không có quy định cụ thể về việc này). Tiền lương phải được trả trực tiếp cho nhân viên trong giờ làm việc (trừ khi anh ta hoặc cô ta chấp nhận phương thức khác), và phiếu lương được ban hành. Nếu thanh toán tiền lương rơi vào một ngày nghỉ lễ thì nên sắp xếp để trả trước.

1.7 Quyền lợi nhân viên bắt buộc

Các điều khoản về việc làm liên quan đến bồi thường, giờ làm việc tối đa, nghỉ phép, nghỉ thai sản, nghỉ phép gia đình, quy trình khiếu nại của nhân viên, làm việc ban đêm và nghỉ lễ, chăm sóc y tế và các quy tắc đặc biệt quản lý nhân viên trẻ em và phụ nữ, được quy định theo luật.

Số giờ làm việc tối đa thường là tám giờ mỗi ngày và 48 giờ mỗi tuần, mặc dù một số thay đổi về số giờ làm việc được cho phép theo quy định trong một số trường hợp, với điều kiện là các quy tắc về số giờ tối đa có thể làm việc mỗi ngày được thi hành.

Làm thêm giờ được trả ở mức 1,5 đến 2,0 lần mức lương bình thường, tùy thuộc vào thời gian làm thêm giờ.

Nghỉ phép hàng năm được thiết lập vào 1,5 ngày cho mỗi tháng làm việc, dẫn đến 18 ngày nghỉ mỗi năm với một ngày bổ sung cho mỗi ba năm làm việc thêm.

Người sử dụng lao động được yêu cầu nghỉ thai sản ít nhất 90 ngày, trong đó nhân viên nhận được một nửa lương nếu cô ấy làm việc một năm liên tục trở lên cho doanh nghiệp.

Nghỉ phép đặc biệt để đáp ứng nhu cầu gia đình (như đám cưới, đám tang, v.v.) được đặt tối đa 07 ngày mỗi năm. Những ngày nghỉ này có thể được khấu trừ từ nhân viên nghỉ phép hàng năm (nếu có) hoặc có thể được bồi thường thêm giờ làm việc của nhân viên, được trả theo mức bình thường.

Nghỉ ốm dài hạn đối với bệnh được chứng nhận bởi bác sĩ có trình độ, được phép không quá 06 tháng, nhưng có thể được gia hạn cho đến khi có sự thay thế cho nhân viên bị bệnh. Theo quyết định của người sử dụng lao động, nghỉ ốm có thể được cho phép và bồi thường, theo các điều kiện được quy định trong các quy tắc làm việc nội bộ của doanh nghiệp.

Sử dụng lao động từ 100 phụ nữ trở lên được yêu cầu thiết lập một phòng y tế và một trung tâm chăm sóc trẻ nhỏ trong hoặc gần cơ sở của họ. Nếu chủ lao động không cung cấp trung tâm trẻ nhỏ, chủ lao động được yêu cầu hỗ trợ nhân viên nữ trả phí cho các trung tâm chăm sóc mẫu giáo bên ngoài cho trẻ em từ 18 tháng tuổi trở lên

1.8. Quỹ an sinh xã hội quốc gia

Vào tháng 9 năm 2002, Chính phủ ban hành Luật An sinh xã hội (Luật An sinh xã hội) với mục đích thiết lập một chế độ an sinh xã hội mới áp dụng cho tất cả các nhân viên theo quy định của Luật Lao động. Chương trình của Quỹ An sinh xã hội quốc gia (NSSF,) bao gồm ba trụ cột:

- + Bảo hiểm rủi ro nghề nghiệp (tai nạn liên quan đến công việc và bệnh nghề nghiệp);
- + Bảo hiểm y tế; và
- + Lương hưu.

NSSF đã triển khai chương trình bảo hiểm rủi ro nghề nghiệp từ năm 2008, sau đó là triển khai bảo hiểm y tế từ năm 2016. Chương trình lương hưu vẫn chưa được thực hiện, mặc dù dự kiến sẽ chính thức áp dụng vào năm 2019.

Chương trình bảo hiểm rủi ro nghề nghiệp bao gồm người lao động và người lao động trong trường hợp tai nạn hoặc bệnh tật liên quan đến công việc do nghề nghiệp gây ra (cả hai đều được coi là rủi ro lao động). Chủ lao động được yêu cầu cung cấp cho nhân viên hoặc công nhân những lợi ích, sự chăm sóc và điều trị nhất định tùy thuộc vào hoàn cảnh. Một tai nạn được coi là liên quan đến công việc, bất kể nguyên nhân, nếu xảy ra với một nhân viên hoặc công nhân tại nơi làm việc hoặc trong khi đi làm trực tiếp đến và đi từ nơi làm việc. Nếu nạn nhân cần điều trị tại bệnh viện, phải được gửi đến một trong những bệnh viện trong danh sách đăng ký từ trước và đã được phê duyệt. Prakas có liên quan đã đặt ra thủ tục đăng ký doanh nghiệp và nhân viên của họ với NSSF, xác định tỷ lệ đóng góp phải trả cho thành phần thương tích liên quan đến công việc của chương trình.

Theo Prakas 448 về Đăng ký doanh nghiệp và nhân viên của họ với NSSF cho những người chịu sự điều chỉnh của Luật Lao động, người sử dụng lao động hoặc chủ doanh nghiệp sử dụng một hoặc nhiều nhân viên có nghĩa vụ phải đăng ký kinh doanh và nhân viên trong và ngoài nước với NSSF trong vòng 30 ngày từ bắt đầu hoạt động thương mại. Doanh nghiệp phải đóng góp hàng tháng với số tiền 0,8% của một nhân viên, tiền lương trung bình hàng tháng mà khoản đóng góp được áp dụng (dao động từ 0,40 đến 2,40 USD mỗi tháng cho mỗi nhân viên) cho NSSF theo chương trình rủi ro nghề nghiệp. Đổi lại, doanh nghiệp sẽ nhận được từ bảo hiểm liên quan đến công việc của NSSF cho nhân viên của mình. Mỗi doanh nghiệp đã đăng ký phải báo cáo với NSSF về số lượng nhân viên trước ngày 20 mỗi tháng.

Gần đây, Campuchia đã đưa ra một chương trình chăm sóc sức khỏe, theo Luật Chế độ An sinh Xã hội, áp dụng cho những người chịu sự điều chỉnh của Luật Lao động. Những lợi ích của chương trình chăm sóc sức khỏe bao gồm dịch vụ y tế dự phòng, dịch vụ điều trị và chăm sóc y tế, và trợ cấp hàng ngày trong thời gian

đình chỉ công việc do điều trị bệnh hoặc tai nạn ngoài rủi ro nghề nghiệp và nghỉ thai sản. Những lợi ích này được áp dụng cho những người được quy định trong Luật Lao động bao gồm vợ/chồng và con cái phụ thuộc của công nhân là thành viên của NSSF hoặc thành viên của NSSF đang nhận trợ cấp khuyết tật vĩnh viễn. Doanh nghiệp phải đóng góp hàng tháng với số tiền 2,6% của một nhân viên trung bình tiền lương hàng tháng mà (dao động từ 1,3 USD đến 7,8 USD mỗi tháng cho mỗi nhân viên).

1.9 An toàn nơi làm việc

Chủ doanh nghiệp được yêu cầu phải đảm bảo tất cả các khu vực làm việc sạch sẽ và an toàn và đảm bảo sức khỏe cho công nhân. Phải tuân thủ một số quy định cụ thể quản lý nơi làm việc, bao gồm số lượng và tiêu chuẩn của nhà vệ sinh, yêu cầu bệnh xá, chỗ ngồi, ánh sáng và cung cấp đồ uống hợp vệ sinh.

Nếu có bất kỳ tai nạn tại nơi làm việc, bao gồm cả bệnh do thực hiện công việc, tại nơi làm việc hoặc đi lại trực tiếp giữa nhà và nơi làm việc, chủ lao động có trách nhiệm sắp xếp và thanh toán cho tất cả các chăm sóc y tế. Tuy nhiên, một nhân viên đã gây ra tai nạn liên quan đến công việc sẽ không được bồi thường nếu nhân viên cố tình gây ra tai nạn. Chủ lao động được yêu cầu báo cáo tất cả các vụ tai nạn tại nơi làm việc với MLVT/DLVT để cho phép điều tra các trường hợp và thực hiện các biện pháp để ngăn chặn các tai nạn đó tái diễn. Nhân viên đã đăng ký với NSSF sẽ được bảo hiểm theo chương trình bảo hiểm rủi ro nghề nghiệp theo chính sách NSSF.

1.10 Giải quyết tranh chấp

Luật Lao động phân loại các tranh chấp lao động gồm hai loại là “tranh chấp về quyền” hay “tranh chấp về lợi ích”. Tranh chấp về quyền liên quan đến các quyền được bảo đảm bởi Luật Lao động hoặc các quy định lao động khác, hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể. Tranh chấp lợi ích liên quan đến những bất đồng về lợi ích và quyền lợi mong muốn nằm ngoài phạm vi được quy định theo Luật Lao động, quy định hoặc hợp đồng. Các thủ tục giải quyết tranh chấp lao động phụ thuộc vào loại tranh chấp (quyền hoặc lợi ích) và vào việc tranh chấp là tranh chấp cá nhân hay tranh chấp tập thể.

Nếu hòa giải viên không thể xác định một giải pháp thỏa đáng cho các bên, và họ không có hoặc không thể tìm thấy bất kỳ thỏa thuận nào về thủ tục giải quyết tranh chấp, Bộ trưởng MLVT sẽ chuyển vụ việc lên Hội đồng Trọng tài để đưa ra quyết định của mình thực hiện trong vòng 15 ngày. Quyết định của Hội đồng có thể được thực thi ngay lập tức nếu không có bên nào kháng cáo Bộ trưởng MLVT trong vòng tám ngày. Người sử dụng lao động phải đăng một bản sao quyết định của Hội đồng Trọng tài tại nơi làm việc và văn phòng của thanh tra lao động địa phương. Cả hai dịch vụ hòa giải và trọng tài nêu trên đều được cung cấp miễn phí.

Nhân viên chỉ được phép đình công khi ba hình thức giải quyết tranh chấp (đàm phán, hòa giải và phân xử) không thành công. Đình công chỉ có thể được tiến hành sau khi bỏ phiếu kín của các nhân viên liên quan và phải thông báo trước bảy ngày. Việc đình công để sửa đổi một thỏa thuận thương lượng tập thể hoặc phán quyết trọng tài vẫn còn hiệu lực là bất hợp pháp. Hơn nữa, dựa trên Luật Công

đoàn, một công đoàn được coi là thực hiện nhiệm vụ của họ không đúng cách nếu dẫn đến một cuộc đình công hoặc biểu tình trái với các thủ tục pháp lý. Cuộc đình công bất hợp pháp được Luật Công đoàn định nghĩa là cuộc đình công vẫn được tổ chức sau khi tòa án lao động quyết định là một cuộc đình công bất hợp pháp. Mặc dù vậy, người sử dụng lao động cũng bị cấm cản trở nhân viên bằng mọi cách để tham gia vào một cuộc đình công hợp pháp.

Mặc dù Luật Lao động quy định việc thiết lập các tòa án lao động có thẩm quyền đối với các vấn đề lao động, tuy nhiên các tòa án chuyên ngành như vậy vẫn chưa được thành lập. Cho đến khi chính thức được thành lập, tòa án tỉnh và thành phố tạm thời là nơi phụ trách xét xử các tranh chấp lao động và ban hành các phán quyết về lao động.

1.11 Thuê người khuyết tật

Vào tháng 8 năm 2010, Chính phủ đã ban hành một Nghị định phụ về việc xác định mức giá và thủ tục thuê người khuyết tật làm việc. Nghị định này mở rộng để áp dụng cho các bộ của các tổ chức và pháp nhân, có nghĩa vụ lựa chọn và tuyển dụng người khuyết tật có trình độ và khả năng thực hiện các chức năng, vai trò và trách nhiệm.

Một pháp nhân/cá nhân có tổng số 100 nhân viên trở lên phải có ít nhất 1% (trong tổng lực lượng lao động) là những người khuyết tật đủ tiêu chuẩn có khả năng thực hiện các chức năng cần thiết và thực hiện vai trò và trách nhiệm theo các loại công việc được xác định bởi MLVT/DLVT. Không làm như vậy sẽ phải chịu khoản đóng góp lên tới 40% mức lương tối thiểu hàng tháng cho người lao động khuyết tật cho Quỹ Người khuyết tật. Khoản thanh toán sẽ được xác định bởi Bộ Xã hội, Cựu chiến binh và Thanh niên (MOSAVYR) theo yêu cầu của ban giám đốc của Quỹ Người khuyết tật.

Ngoài ra, các doanh nghiệp sử dụng 100 công nhân trở lên được yêu cầu nộp báo cáo bằng văn bản cho MLVT và MOSAVYR vào tháng 1 hàng năm về tổng số nhân viên toàn thời gian và tỷ lệ việc làm của người khuyết tật thực hiện các loại công việc khác nhau trong doanh nghiệp.

Tuy nhiên, trong hệ thống luật Campuchia lại không có quy định nào xác định loại công việc được coi là phù hợp với người khuyết tật hoặc để xác định yêu cầu đóng góp hình phạt do MLVT và MOSAVYR ban hành.

Việc không tuân thủ các yêu cầu trên có thể dẫn đến thời hạn phạt tiền từ 100.000 đến 1.000.000 KRH (khoảng 25 đến 250 USD) (Điều 54 của Luật Bảo vệ và Thúc đẩy quyền của Người khuyết tật ngày 3 tháng 7 năm 2009).

1.12. Một số thay đổi đáng lưu ý của Luật lao động Campuchia thời gian qua:

Thời gian qua, Campuchia liên tục đưa ra những sửa đổi, hướng dẫn, thông báo về Luật lao động mới gây tác động tiêu cực đến hoạt động của các doanh nghiệp. Các lần sửa đổi, thông báo, hướng dẫn cụ thể:

Lần 1, Sửa đổi. Ngày 23/6/2018, Quốc hội Campuchia đã phê chuẩn dự thảo sửa đổi Luật Lao động năm 2011 về chi trả tiền phụ cấp thâm niên lao động (thêm

mới điều 87, 88, 90, 91, 94, 110). Việc sửa đổi luật Lao động này nhằm thực hiện cam kết của Chính phủ (Thủ tướng Hun Sen) đối với việc cải thiện đời sống người lao động trước thềm bầu cử Quốc hội 2018.

Về bản chất, những điều luật sửa đổi này nhằm loại bỏ khái niệm về “khoản bồi thường sa thải” thay thế vào đó là khái niệm về “tiền phụ cấp thâm niên”. Tức là người sử dụng lao động sẽ phải liên tục trả khoản phụ cấp thâm niên hàng năm cho người lao động chứ không phải đợi đến khi sa thải mới bồi thường như trước kia.

Cụ thể hơn: Trước đây khái niệm khoản bồi thường sa thải tương đương với một khoản thanh toán thôi việc được áp dụng cho các hợp đồng lao động không có thời hạn (hợp đồng lao động lâu dài từ 4 năm trở lên). Trước khi sửa đổi, chủ lao động phải trả tiền bồi thường cho việc sa thải nhân viên (với hợp đồng không có thời hạn) khi chủ lao động đơn phương chấm dứt nhân viên đó vì bất kỳ lý do nào khác ngoài hành vi sai trái nghiêm trọng của nhân viên đó. Tương tự như các quy định thôi việc khác, khoản bồi thường sa thải này chỉ được trả khi kết thúc mối quan hệ lao động và dựa trên thời gian làm việc. Trên thực tế, nếu theo quy định này trước đây, thì người lao động thường bị thiệt thòi do: (i) Thường bị chủ sử dụng lao động lấy lý do vi phạm nghiêm trọng hợp đồng để từ chối trả tiền bồi thường; (ii) Trong những trường hợp doanh nghiệp bị phá sản thì người lao động không được bồi thường, gây ra nhiều kiện tụng tranh chấp.

Sau khi sửa đổi, một người sử dụng lao động không còn phải trả khoản bồi thường cho việc sa thải, thay vào đó, phải trả cho nhân viên một khoản thanh toán thâm niên cứ sau mỗi sáu tháng (liên tục). Trên cơ sở hàng năm, tổng số tiền thanh toán thâm niên bằng 15 ngày lương và các lợi ích khác, chẳng hạn như hoa hồng và tiền thưởng. Như vậy rõ ràng, quyền lợi của người lao động được đảm bảo hơn khi được nhận thường xuyên mức phụ cấp dựa trên thời gian cống hiến, lao động liên tục.

Lần 2, Thông báo: Sau khi những nội dung sửa đổi của Luật lao động được công bố, dư luận trong giới doanh nghiệp tại Campuchia đặt ra nhiều câu hỏi về sự chưa rõ ràng trong luật sửa đổi như: (i) Liệu một nhân viên theo hợp đồng có thời hạn có được nhận khoản thanh toán thâm niên hay không; (ii) Nếu một công nhân được thuê trước khi sửa đổi này có được hưởng phần thưởng thâm niên cho thời gian làm việc trước khi ban hành sửa đổi này; (iii) Liệu một người sử dụng lao động phải trả cho tất cả nhân viên một khoản thanh toán thâm niên cùng một lúc hay có thể tính thời gian thanh toán thâm niên cho mỗi ngày bắt đầu cụ thể của nhân viên; (iv) Các điều kiện cụ thể theo đó người sử dụng lao động có thể chấm dứt nhân viên khi đóng cửa doanh nghiệp mà không phải bồi thường thiệt hại và bồi thường thay cho thông báo trước.

Ngay sau đó, ngày 21/09/2018, Bộ Lao động và đào tạo nghề đã ra Thông báo số 443 về chi trả tiền phụ cấp thâm niên lao động, trong đó ghi rõ: (i) Luật sửa đổi chỉ áp dụng đối với người lao động có “hợp đồng không xác định thời hạn”; (ii) Từ năm 2019 trở đi, việc chi trả tiền phụ cấp thâm niên được thực hiện 02 lần trong năm vào tuần thứ 2 tháng 6 và tháng 12 hàng năm; (iii) Có quy định hồi tố đối với hợp đồng lao động trước năm 2019 (tại điều 3). Cụ thể: Đối với các hợp đồng lao

động không thời hạn trước năm 2019, thì lại chia thành 02 loại doanh nghiệp gồm doanh nghiệp thuộc lĩnh vực dệt may, giày dép (tiền truy lĩnh trợ cấp là 30 ngày lương) và doanh nghiệp ngoài lĩnh vực này (tiền truy lĩnh trợ cấp là 15 ngày lương). Người lao động có thời gian từ 1 tháng (trong hợp đồng không thời hạn) trở lên trước năm 2019 cũng được nhận phụ cấp thâm niên.

Lần 3, Hướng dẫn: Ngay sau khi nhận được thông báo này, cộng đồng doanh nghiệp tại Campuchia đã gửi rất nhiều thắc mắc lên Bộ Lao động và Đào tạo nghề trong đó tập trung vào các câu hỏi: (i) Thế nào là Hợp đồng lao động không thời hạn, Hợp đồng lao động có thời hạn; (ii) Thời hạn để các doanh nghiệp bắt đầu truy trả tiền thâm niên. Ngày 22/3/2019, Bộ Lao động và Đào tạo nghề tiếp tục ra hướng dẫn về việc truy trả tiền thâm niên trước năm 2019 đối với doanh nghiệp ngoài lĩnh vực dệt may, may mặc, giày dép, trong đó nói rõ gia hạn cho việc truy trả tiền thâm niên trước năm 2019 tới tháng 12/2021. Ngày 27/05/2019, Bộ này tiếp tục ra hướng dẫn số 050/19 về quy định các loại hợp đồng trong đó nêu định nghĩa về hợp đồng lao động có thời hạn là hợp đồng có khoảng thời gian quy định. Tuy nhiên, hướng dẫn này lại đưa thêm nội dung hợp đồng có thời hạn có thể có tổng thời gian nhiều nhất là 4 năm, trong đó bao gồm cả thời gian của hợp đồng ban đầu và hợp đồng ký lại. Vượt quá thời gian này, hợp đồng có thời hạn sẽ trở thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn, tức là trở thành đối tượng của việc tri trả mức thâm niên cho người lao động.

Việc sửa đổi Luật lao động mới này đã giải quyết được một số vấn đề cho người lao động, cụ thể như sau:

Đầu tiên, Luật sửa đổi giải quyết vấn đề không rõ ràng trong việc chấm dứt sớm hợp đồng lao động trước đây. Theo đó, Luật sửa đổi quy định rõ ràng nếu một công ty đóng cửa và chấm dứt hợp đồng lao động với nhân viên của mình, họ sẽ không phải trả cho nhân viên của mình bất kỳ khoản bồi thường nào thay cho thông báo trước theo Luật Lao động (vì đã loại bỏ khái niệm bồi thường sa thải).

Thứ hai, Luật sửa đổi nêu rõ rằng nếu nhân viên có quyền được bồi thường thiệt hại, nhân viên đó có thể yêu cầu một khoản thanh toán một lần bằng với tất cả các khoản thanh toán thâm niên trước đây nhận được, cộng với bất kỳ khoản thanh toán thâm niên nào trong tương lai được nhận theo hợp đồng của nhân viên, thay vì chứng minh số tiền thiệt hại thực tế. Bản sửa đổi này có ý nghĩa ủng hộ người lao động, vì Luật Lao động trước đây chỉ quy định mức bồi thường thiệt hại là sáu tháng tiền lương và các lợi ích bên lề.

Thứ ba, Luật sửa đổi quy định Chủ lao động sẽ có nghĩa vụ thực hiện các khoản thanh toán thâm niên bắt buộc cho bất kỳ nhân viên nào được thuê sau khi thực hiện sửa đổi này. Tất cả các công ty có nhân viên ở Campuchia sẽ phải tính toán, cẩn thận khi quyết định thay đổi nhân sự.

Tuy nhiên, sau 3 lần sửa đổi, thông báo, hướng dẫn, Luật lao động mới vẫn còn rất nhiều điểm chưa rõ ràng gây khó khăn cho doanh nghiệp:

(i) Công thức tính lương ngày: Tiền lương hàng ngày được tính dựa trên tất cả tiền lương và các lợi ích bên lề, bao gồm cả hoa hồng và tiền thưởng, mà một

nhân viên nhận được trong vòng 12 tháng qua của dịch vụ. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể nào liên quan đến công thức này.

(ii) Việc hồi tố truy lĩnh tiền phụ cấp thâm niên lao động trước năm 2019: Đây là một vấn đề rất phức tạp vì theo quy định này thì hầu hết tất cả các doanh nghiệp đều phải thực hiện chi trả trợ cấp thâm niên cho các lao động kể cả những lao động đã bị cho thôi việc hoặc hết hạn hợp đồng. Đáng chú ý, việc truy thu trợ cấp thâm niên trước năm 2019 sẽ áp dụng đầu tiên cho các doanh nghiệp ngoài lĩnh vực may mặc, dệt may, giày dép với thời hạn đến tháng 12/2021. Do đó, Luật này sẽ tác động đến hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam đang kinh doanh tại Campuchia.

(iii) Sự không rõ ràng trong quy định loại hợp đồng có thời hạn và không có thời hạn: Trên thực tế, các doanh nghiệp ở Campuchia đã tính đến phương án sử dụng các hợp đồng lao động có thời hạn để tránh né quy định sửa đổi. Tuy nhiên, việc này chỉ có giá trị sau năm 2019 còn trước năm 2019 thì các doanh nghiệp vẫn phải trả trợ cấp thâm niên cho lao động.

THAM KHẢO KIM NGẠCH XUẤT - NHẬP KHẨU VIỆT NAM – CAMPUCHIA TỪ NĂM 2010 ĐẾN THÁNG 11/2018

Đơn vị: USD

Năm, tháng	Xuất khẩu		Nhập khẩu		Tổng Xuất - Nhập khẩu	
	Kim ngạch	Tăng, giảm %	Kim ngạch	Tăng, giảm %	Kim ngạch	Tăng, giảm %
2010	1.551.665.790	-	276.622.790	-	1.828.288.580	-
2011	2.406.826.665	55 %	429.598.765	55 %	2.836.425.430	55 %
2012	2.829.110.594	17,5 %	486.267.478	13,2 %	3.315.378.072	16,9 %
2013	2.920.700.084	3,2 %	503.696.960	3,6 %	3.424.397.044	3,2 %
2014	2.687.909.226	-7,9 %	623.486.559	23,8 %	3.311.395.785	3,3 %
2015	2.412.720.005	-10,2 %	955.574.527	53,3 %	3.368.294.532	1,7 %
2016	2.200.585.313	-8,8 %	725.791.737	- 24 %	2.926.377.050	- 13 %
2017	2.776.140.217	26,2 %	1.020.605.582	40,6 %	3.796.745.799	29,7 %
2018	3.741.122.489	35,0 %	963.081.120	- 5,6 %	4.704.203.609	24,5 %
5 tháng / 2019	1.752.900.030	21,7 %	562.331.627	11,7 %	2.315.231.657	19,1 %

Ghi chú: Tăng, giảm (%) so với cùng kỳ của năm trước